

TRẦN MẠNH TƯỜNG

BÀI TẬP GIỚI TỪ VÀ
360 ĐỘNG TỪ
BẤT QUÝ TẮC
**TIẾNG
ANH**



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

***BÀI TẬP GIỚI TỪ VÀ
360 ĐỘNG TỪ BẤT QUY TẮC TIẾNG ANH***

TRẦN MẠNH TƯỜNG

**BÀI TẬP GIỚI TỪ VÀ
360 ĐỘNG TỪ
BẤT QUY TẮC TIẾNG ANH**

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

LỜI GIỚI THIỆU

Các bạn thân mến,

Giới từ đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong câu tiếng Anh. Nếu bạn quên hay dùng sai giới từ của một cấu trúc câu, câu đó sẽ bị hiểu sai nghĩa.

*Để giúp bạn gỡ rối vấn đề trên, chúng tôi tổ chức biên soạn cuốn sách **“Bài tập giới từ và 360 động từ bất quy tắc tiếng Anh”**.*

Những bài tập về giới từ tiếng Anh trong sách này là rất cần thiết cho những ai muốn nâng cấp vốn Anh ngữ của mình. Cuốn sách gồm các bài tập cô đọng, xúc tích, phần lời giải ở cuối sách sẽ giúp bạn tra cứu đáp án khi không tìm ra hướng giải quyết.

Sách trình bày ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu để bạn có thể tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả nhất.

Hi vọng qua cuốn sách này, các bạn sẽ cải thiện đáng kể trình độ Anh ngữ của mình. Chúc các bạn thành công!

TÁC GIẢ

PRACTICE TEST 1

I. Complete the sentences using the words in the box.

to for against with of towards on

1. She showed great appreciation.....good music.
2. There was a picturesque approach.....the house.
3. Ted has an aptitude.....arithmetic.
4. She showed great ardour.music.
5. An intelligent clerk is a great asset.....a firm.
6. An attack was launched.....the enemy.
7. He made an attempt.....past the exam.
8. The attendance.....the meeting was large.
9. He showed his great attention.....his work.
10. What is your attitude.....politics?
11. We have no authority.....increasing/.....increase your salary.
12. Nielson is authority.....that subject.
13. The soldier received an award.....gallantry.
14. You have no basis.....such a belief.
15. We had many battle.....the US troop.
16. The others put the blame.....Dick.
17. Nobody believed him due to his breach.....promise.
18. He gave her a bunch.....flowers.
19. John does business.....a firm.
20. I am a candidate.....that post of teaching.

II. Choose the best answer.

1. Don't be familiar.....him; he's a dishonest man.
a. into b. to c. with d. ~~for~~
2. These facts may be familiar.....you.
a. with b. about c. to d. into
3. She is famous.....her intelligence.

- a for b. in c. with d. into
4. She is fond.....music.
a to b. with c. about d. of
5. I'm always forgetful.....students' names.
a to b. of c. in d. about
6. These goods are free.....duty.
a from b. with c. in d. of
7. He is good.....all sports.
a at b. in c. into d. with
8. She is greedy.....fame.
a with b. into c. for d. in
9. He was illfever.
a to b. in c. with d. for
10. If you earn a good salary, you can be independentyour parents.
a for b. to c. of d. by
11. Is he guilty or innocent.....the crime?
a of b. to c. with d. for
12. He is jealous.....his rival's success.
a by b. of c. with d. for
13. He is mad.....music.
a about b. after c. for d. all are correct.
14. This table is made.....wood.
a from b. of c. into d. to
15. Gas is made.....coal.
a of b. from c. with d. to
16. He is negligent.....his duties.
a with b. to c. for d. of
17. This work is new.....me.
a with b. to c. about d. for
18. I am very much opposed.....your going abroad.
a to b. with c. by d. for
19. She was offended.....her husband.

2. Supermakets often sell things.....
3. The road was bad....., but it soon improved.
4. He took in the situation.....
5. The champion was.....because of his age.
6. The cattle was rebuilt 20,000.
7. I never feel..... in his company.
8. The church isn't far; it's quite.....
9. He pretends not to like his job, but.....he does.
10. Don't hurry; come.....

LEARN

I.

- appreciation for	: sự đánh giá cao
- approach to	: đường đến, sự tiếp cận
- aptitude for	: khả năng về
- ardour for	: sự say mê về
- asset to	: tài sản đối với
- attack against	: sự tấn công chống lại
- attempt to	: sự cố gắng
- attendance at	: sự hiện diện
- attention to	: sự chú ý đến
- attitude to/towards	: thái độ đối với
- authority for doing Sth/ to do Sth	: quyền làm gì
- authority on	: có thẩm quyền về
- award for	: phần thưởng cho
- basic for	: cơ sở cho
- battle against/with	: trận đánh với
- blame on	: sự đổ lỗi cho ai
- breach of	: sự vi phạm
- bunch of	: bó
- business with	: sự làm ăn với
- candidate for	: ứng cử viên cho

II.

- to be familiar with S.O : *thân mật, là tình nhân của ai*
- to be familiar to : *rành rẽ, quen thuộc*
- to be famous for : *nổi tiếng về*
- to be fond of : *thích*
- to be forgetful of S.T : *hay quên về*
- free of duty : *miễn thuế*
- to be good at : *giỏi về (môn gì)*
- to be greedy for S.T : *ham muốn điều gì*
- to be ill with fever : *bị sốt*
- to be independent of : *độc lập với, không lệ thuộc*
- to be guilty of : *có tội: to be innocent of: vô tội*
- to be jealous of : *ganh tị về*
- to be mad about : *say mê, ham mê*
- to be made of : *làm bằng (vật được làm ra còn giữ chất liệu ban đầu)*
- to be made from : *làm từ (vật được làm ra không còn giữ chất liệu ban đầu)*
- to be negligent of : *xao lãng*
- to be new to S.O : *mới lạ đối với ai.*
- to be opposed to : *phản đối, phản kháng*
- to be offended with (by) S.O : *bị xúc phạm bởi ai, giận ai*
- to be offended at (by) ST : *giận dữ, bực mình vì việc gì*
- to make oneself pleasant to S.O : *vui vẻ chiều chuộng, làm hài lòng ai.*
- to be qualified for doing S.T : *đủ tiêu chuẩn, đủ trình độ làm việc gì.*

- to be ready for : *sẵn sàng*
- to be sure of : *chắc chắn*
- to be tired of : *chán*

III.

- at a cost of : *với giá, trị giá*
- at a disadvantage : *đang bị bất lợi*
- at a discount : *giảm giá*
- at your discretion : *theo ý*
- at ease : *dễ chịu*
- at fault : *có lỗi*
- at first : *đầu tiên*
- at a glance : *chỉ thoáng nhìn*
- at hand : *gần kề*
- at heart : *tận đáy lòng*

PRACTICE TEST 2

I. Complete the sentences using the words in the box.

for of against about over to on from

1. Take no noticehim.
2. He is an object.....scorn.
3. He has no objection.....his son's visit.
4. This is an occasion.....celebration.
5. It was an offence.....the state.
6. We had a low opinion.....Sanders.
7. Wrong is the opposite.....Right.
8. He gave a big order.....plastic flowers.
9. We received an order.....his firm.
10. Death is the penalty.....murder.
11. He had a keen perception.....human nature.
12. He had no permit.....the gun.
13. It is a pity.....John's failure.
14. He felt a lot of pity.....the beggar.
15. Have pity.....me
16. The lawyer made a plea.....mercy.
17. The dictator has great power.....the people.
18. The judge said there was no precedent.....this case.
19. I wrote a preface.....his book
20. He made no pretension.....authority.

II. Choose the best answer.

1. What is the advantage.....doing this?
a. of b. about c. with d. by
2. What did Mr. Brown die.....?
a. with b. by c. in d. of
3. In spite.....his ill health, Johnson did very well.
a. to b. with c. of d. for
4. He is a friend.....mine.
a. with b. in c. of d. to
5. It was story.....adventure and romance.
a. in b. with c. of d. to
6. You are never.....want of money.
a. on b. in c. for d. out of
7.time of war we have to agree to things we should refuse..... time of peace.
a. in - in b. on - in c. on - on d. in - on
8. Vegetarians live.....vegetables, fruit and nuts.
a. for b. with c. in d. on
9. Did you come here.....foot?
a. in b. on c. by d. for
10. She is.....drugs.
a. of b. in c. for d. off
11. I'm.....my food.
a. at b. in c. for d. off
12. She came here.....horseback.
a. on b. by c. in d. with
13. Turn.....the main road here and you will come to the take.
a. right b. left c. off d. away from
14. He is.....smoking.
a. in b. off c. to d. into
15. We are really looking forward.....our ship Hawaii and Japan.
a. on - to b. at - to c. to - to d. in - to

16.mistake, I took the wrong book from my desk this morning.
a. Through b. by c. with d. in
17. Professor Morre called my attention.....that particular mistake.
a. about b. with c. by d. to
18.the most part, his explanations are quite easy to understand.
a. for b. through c. with d. toward
19.general, that is true. However, there are many exceptions.
a. on b. in c. by d. through
20. The teacher said we had to learn all these expressionsheart.
a. with b. By c. through d. in
21. That is last year's telephone directory. It's.....date now.
a. into b. out of c. besides d. out
22. What's the matter.....Howard? He seems to be very angry.
a. to b. With c. from d. of
23. Can you recommend me a good book.....life in the sixteenth century?
a. of b. About c. in d. from
24. He put his hand.....his back so that I couldn't see what was in it.
a. behind b. in back of c. in d. into
25. The temperature today is.....freezing point.
a. down b. behind c. below d. before

III.

At liberty (free to) - You are at liberty to say what you like.

At a loss (unable, confused) - We were at a loss to understand his attitude.

At (the) most (as maximum) - He earns at most 10 a week.

At once (immediately) - Come here at once.

At peace (in a state of peace) - I feel at peace with the world.

At play (playing) - There was a noise of children at play.

At a profit (profitably) - He sold his house at a profit.

At random (without system, plan) - I chose a book at random.

At a rate (at a speed) - He works at a great rate.

At a risk (on one's own responsibility) - If you take these pills, it is at your own risk.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. Children.....often make a lot of noise.
2. Persons crossing the railway line do so.....own.....
3. Stop that.....!
4. After years of war, the country is now.
5. There isn't a very big audience; there are.....50 people in the hall.
6. I picked up a record.....
7. He is very sure of himself and never.....for an answer.
8. Nobody can force you to accept; you ar.....to refuse.
9. We quickly sold the house we had bought.....
10. These stockings are selling.....great.....

LEARN

I.

- notice of	: sự chú ý đến
- object for	: đối tượng cho
- objection to	: sự phản đối với
- occasion for	: cơ hội cho
- offence against	: sự vi phạm chống lại
- opinion of	: ý kiến đánh giá
- opposite of	: từ phản nghĩa của
- order for	: sự đặt mua
- order from	: đơn đặt hàng
- penalty for	: hình phạt cho
- perception of	: sự nhận thức về
- permit for	: phép sử dụng

- pity about	: sự thương hại về
- pity for	: sự thương hại đối với
- pity on	: sự thương xót đối với
- plea for	: sự nài xin
- power over	: quyền lực trên
- precedent for	: tiền lệ đối với
- preface to	: lời mở đầu cho
- pretension to	: sự khoe khoang

II.

- advantage doing S.T	: ưu điểm của việc làm công việc gì
- to die of	: chết vì
- in spite of	: mặc dù
- a friend of mine	: một người bạn của tôi
- a story of adventure	: một câu chuyện phiêu lưu
- to be in want of money	: thiếu tiền
- in time of war	: vào lúc chiến tranh; In time of peace: vào lúc hoà bình
- to live on	: sống nhờ vào
- on foot	: (đi) bộ, (đi) bằng chân
- off drugs	: bỏ thuốc
- off (one's) food	: bỏ thức ăn
- on horseback	: trên lưng ngựa, cưỡi ngựa
- to turn off a road	: lái xe ra khỏi một con đường.
- off smoking	: nhịn thuốc lá, bỏ thuốc lá
- to look forward to	: mong, mong mỏi, to a place: tới một nơi.
- by mistake	: do nhầm lẫn
- to call S.O's attention to S.T	: lưu ý ai về điều gì
- for the most part	: phần lớn, đại bộ phận

- In general : *nói chung*
- to learn S/T by heart : *học thuộc lòng điều gì*
- out of date : *lỗi thời, không còn hợp thời*
- What's the matter with Howard : *sao thế?*
- A book about S.T : *quyển sách bàn về điều gì*
- Behind : *đằng sau, ở đằng sau*
- Below freezing point : *dưới điểm đông đặc*

III.

- At liberty : *tự do*
- At a loss : *lỗ vốn*
- At most : *tôi đa*
- At once : *ngay lập tức*
- At peace : *có hoà bình*
- At play : *đang chơi*
- At a profit : *có lãi*
- At random : *không nằm trong kế hoạch*
- At a rate : *tốc độ*
- At a risk : *rủi ro, nguy hiểm*

PRACTICE TEST 3

I. Complete the sentences using the words in the box.

in about of for on with

1. There were millions of stars.....the sky.
2. Richard made a mistake.....his calculations.
3. My firm has a monopoly.....cement.
4. There is a good deal of mystery.....his disappearance.
5. This book is about the mystery.....the missing diamond.
6. This company has a name.....reliability.
7. She writes under the name.....Aunt May.
8. He was a native.....China.
9. There is no necessity.....rudeness: you can rebuke him politely.
10. There is no need.....concern.
11. There has been no news.....the mountaineers.
12. He has a lust.....glory.
13. The rocket is a marvel.....modern science.
14. Every man is master.....his own destiny.
15. This little boy was no match.....the bully.
16. This is a matter.....complaint.
17. It is a matter.....life and death.
18. What is the matter.....you?
19. Jackson is a member.....our club.
20. He begged the judge to have mercy.....him.

16. He provides his son.....money.
a. for b. of c. with d. in
17. I really respect that man.....his honesty.
a. by b. about c. with d. for
18. Sometimes I wonder.....that very much.
a. of b. about c. with d. by
19. Keep away.....those electrical wires.
a. to b. of c. off d. from
20. She treated me.....cake, ice-cream and tea.
a. with b. for c. into d. to
21. She sacrifices her life.....her family.
a. with b. for c. into d. to
22. It isn't an answer.....my question.
a. for b. of c. to d. with
23. He was accused.....stealing a Honda.
a. of b. in c. to d. with
24. She spent a lot of money.....cosmetics.
a. in b. on c. into d. for
25. He wasted little time.....social formalities.
a. for b. on c. to d. in

III.

For life (good) (until death) - He was crippled for life and never walked again.

For a living (to earn a living) - She sells antiques for a living.

For long (for a period) - It was for long believed the earth was flat.

For lunch (tea, etc.) - We always have eggs for breakfast.

For the most part (in the majority) - They are for the most part French, but some are Italian.

For once (on one occasion) - He doesn't usually agree, but for once he did.

For the sake of (thinking of) - Parents usually make sacrifices for the sake of their children.

For sale (hire, rent) (to be sold) - The firm has a number of houses for sale.

For short (in short form) - His name is Nicholas, Nick for short.
For show (to produce an effect) - The room is furnished for show, not for comfort.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. He's not often punctual, but.....he was.
2. I'm sorry, I can't sell you that one, it's not.....
3. We call him 'Imp'.....; his real name is Impington.
4. Even if he recovers, he'll be blind.....
5. He repairs radios.....
6. My relatives are.....farmers, but one or two are not.
7. It was.....thought that the earth was the centre of the universe.
8. I don't like the idea, but I'll do it.....peace and quiet.
9. He always has coffee.....
10. They have a Rolls-Royce purely.....

LEARN

I.

- millions of	: hàng triệu
- mistake in	: sự lỗi lầm về
- monopoly in	: độc quyền về
- mystery about	: sự bí mật về
- mystery of	: sự bí mật của
- name for	: sự nổi danh
- name of	: tên của
- native of	: dân bản xứ của
- necessity for	: sự cần thiết cho
- need for	: sự cần thiết cho
- news of	: tin tức về
- lust for	: sự thèm muốn, khát khao
- marvel of	: điều lạ lùng của
- master of	: người chủ của
- match for	: sự cân xứng đối với

- matter for	: vấn đề cho
- matter of	: vấn đề về
- matter with	: vấn đề về
- member of	: thành viên của
- mercy on	: sự thương xót đối với

II.

- to be long to	: của, thuộc về
- to wait for S.O	: chờ đợi ai
- to <u>succeed</u> in	: thành công
- to listen to	: lắng nghe
- to happen to	: xảy ra
- to aim at	: nhắm vào
- to care for	: chăm sóc, chú ý tới
- to agree with S.O	: đồng ý với ai
- to complain of S.T	: kêu ca, phàn nàn về điều gì
- to look after S.O	: chăm sóc ai
- to look for	: tìm kiếm
- to look at	: nhìn vào
- to tell S.O about S.T	: kể cho ai nghe về điều gì
- In one's place	: ở vào hoàn cảnh của ai
- To trouble S.O for S.T	: phiền ai giúp điều gì
- to provide S.O with S.T	: cung cấp cái gì cho ai
- to respect S.O for S.T	: kính trọng ai về điều gì
- to wonder about	: tự hỏi về, ngạc nhiên về
- to keep away from	: tránh xa khỏi
- to treat S.O to S.T	: đãi ai món gì
- to sacrifice one's life to	: hy sinh đời mình cho
- An answer to a question	: lời giải, câu trả lời cho một câu hỏi
- to accuse S.O of S.T	: tố cáo ai về tội gì
- to spend money on S.T	: tiêu xài tiền về món gì

- to waste time on S.T

: *phí phạm thời gian về việc gì*

III.

- For life (good)

: *suốt đời*

- For a living

: *để kiếm sống*

- For a long

: *thời gian dài*

- For lunch

: *cho bữa trưa*

- For the most part

: *phần lớn*

- For once

: *một lần*

- For the sake of

: *vì, để*

- For sale

: *để bán*

- For short

: *gọi tắt*

- For show

: *triển lãm*

PRACTICE TEST 4

I. Complete the sentences using the words in the box.

<i>over in to for of with from on about against</i>

1. The traveler must have fallen a prey.....the wolves.
2. He took pride.....his work.
3. Your claim takes priority.....his.
4. John has made great progress.....his work this term.
5. Did you receive any recompense.....the trouble?
6. He made no reference.....his early life.
7. He had a great regard.....his friend's ability.
8. The torn coat was proof.....his guilt.
9. He had little prospect.....success.
10. This coat is no protection.....the rain.
11. There was much protest.....the new law.
12. He had all the qualifications.....the job.
13. Fred had a quarrel.....his friend.
14. The detective asked everyone.....the scene.
15. It was a quotation.....macbeth.
16. The police made a raid.....the hotel.
17. What was his reaction.....the news?
18. What was the reason.....his dismissal?
19. I produced a receipt.....the camera.
20. Mrs. Thompsons gave me a recipe.....fruit cakes.

II. Choose the best answer.

1. You are welcome.....any book in the library.
a to b. with c. for d by
2. That type of music is quite popular.....teen-age boys and girl.
a for b. about c. with d. by
3. He was courteous.....her.
a with b. to c. about d. for
4. She is beneficent.....the poor.
a for b. on c. with d. to
5. It's contrary.....our custom.
a to b. with c. about d. for
6. In our country, gentlemen are gallant.....ladies.
a to b. with c. for d. by
7. I'm astonished.....that matter.
a with b. against c. to d. at
8. She is bad.....English.
a with b. for c. in d. at
9. My children are important.....me.
a to b. for c. with d. by
10. She was offended.....my remark at the meeting yesterday.
a at b. by
c. with d. a and b are correct
11. The students were shocked.....the news.
a in b. with c. for d. at
12. She is indifferent.....life.
a to b. into c. with d. for
13. Let's drink.....his success.
a in b. to c. into d. for
14. The mud adhered.....my shoes.
a for b. with c. in d. to
15. I don't agree.....you at all about that.
a to b. on c. with d. towards

16. Have you all brought your books.....you?

- a. for b. in c. about d. with

17. You must try to live.....your income.

- a. within b. during c. in d. about

18. You see, I was right.....all.

- a. for b. after c. before d. in

19. He rested his bicycle.....the wall.

- a. at b. for c. against d. inside

20. He spent many years.....the people of Africa.

- a. in b. between c. among d. into

21. Although his last name is the same as mine, I'm not related.....him.

- a. with b. to c. by d. for

22. Mary married a wealthy man. She got marriedhim last June.

- a. by b. for c. about d. to

23. She was engaged.....him for ten months before they got married.

- a. to b. with c. for d. by

24. This text book is intended.....beginning and intermediate students.

- a. to b. for c. with d. by

25. I don't think that I'm acquainted.....him.

- a. with b. to c. by d. for

III.

For the benefit (in order to benefit) - They run a medical scheme for the benefit of their employees.

For certain (sure) (certainly) - I don't know for certain who he is.

For a change (to produce variety) - This year we're going to Spain instead of France for a change.

For convenience (to make things easier) - I'll leave the key with the porter for convenience.

For effect (to produce an effect)-He often says things for effect, not because he believes them.

For fear of (in order not to)-I tiptoed to the door for fear of waking him.

For again (in order to gain money)-People usually run businesses for gain.

For safe keeping (to keep safe)-He sent the documents to the bank for safe keeping.

For lack of (because of a lack of)-The plants are dying for lack of water.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. I usually have tea for breakfast but I sometimes have coffee.....
2. Politicians often speak....., not from conviction.
3. I didn't dare to object.....offending him.
4. Braille was a system invented.....the blind.
5. I think he's arriving on Monday, but I can't say.....
6. Lock these papers in the drawer.....
7. He's not philanthropist; everything he does is.....
8. It's no good telling a child he's being punished.....
9. The scheme has been abandoned.....support.
10. I'll take it with me.....; it will be less trouble.

LEARN

I.

- prey to	: mỗi nhử cho
- pride in	: sự tự hào về
- priority over	: sự ưu tiên trên
- progress in	: sự tiến bộ về
- recompense for	: sự đền bù cho
- reference to	: sự tham chiếu với
- regard for	: sự coi trọng đối với
- proof of	: bằng chứng của

- prospect of	: triển vọng
- protection from	: sự che chở khỏi
- protest against	: sự chống đối lại
- qualification for	: khả năng chuyên môn cho
- quarrel with	: sự cãi nhau với
- question about	: câu hỏi về
- quotation from	: sự trích dẫn từ
- raid on	: sự càn quét
- reaction to	: sự phản ứng với
- reason for	: lý do cho
- receipt for	: biên lai cho
- recipe for	: công thức

II.

- to be welcome to	: được đón tiếp, được chào mừng
- to be popular with S.O	: phổ thông đối với ai, được ai ưa chuộng
- to be courteous to S.O	: lịch sự đối với ai
- to be beneficent to S.O	: từ thiện đối với ai
- to be contrary to	: tương phản với, trái ngược với
- to be gallant to ladies	: lịch sự với phụ nữ, nịnh đầm
- to be astonished at S.T	: kinh ngạc về điều gì
- to be bad at a subject	: dở về môn gì
- to be important to S.O	: quan trọng đối với ai
- to be offended at (by) S.T	: giận về việc gì
- to be shocked at S.T	: xúc động về việc gì
- to be indifferent to	: thờ ơ, xao lãng
- to drink to S.T	: uống rượu mừng về việc gì
- to adhere to	: dính vào, bám vào
- to agree with S.O	: đồng ý với ai

- to bring S.T with	: mang cái gì theo
- to live within one's income	: sống theo hoàn cảnh, sống căn cứ vào số tiền mình kiếm được
- after all	: rốt cuộc, sau cùng
- to rest S.T against S.T	: dựa, tựa cái gì vào cái gì
- Among	: trong đám, trong số (3 người hoặc 3 vật trở lên)
- to be related to S.O	: có bà con thân thuộc với ai
- to get married to S.O	: lấy ai
- to be engaged to S.O	: đính hôn với ai
- to be intended for S.O	: dành cho ai
- to be acquainted with S.O	: quen biết ai

III.

- For the benefit	: lợi ích, trợ cấp
- For certain	: một cách chắc chắn
- For a change	: thay đổi
- For convenience	: thuận tiện
- For effect	: mang lại hiệu quả, ấn tượng
- For fear of	: lo ngại rằng, e sợ
- For gain	: lợi nhuận, kiếm lời
- For good	: mãi mãi
- For safe keeping	: bảo quản, giữ ở nơi an toàn
- For lack of	: thiếu

PRACTICE TEST 5

I. Complete the sentences using the words in the box.

between to for from of on

1. He made the requestthe manager.
2. There is a strong resemblance.....the two men.
3. He showed a great resemblance.....the previous student.
4. The boy had little respect.....his father.
5. There was a great response.....everyone.
6. The response.....the demand was very great.
7. The villagers had great reverence.....their headman.
8. The doctor received little financial reward.....his services.
9. This is the road.....London.
10. There is room.....two more.
11. The natives made a sacrifice.....their Gods.
12. Give my regards.....Paul.
13. He expressed his regret.....the incident.
14. The custom is a relic.....feudalism.
15. He found little relief.....the sun.
16. I never received a reply.....my application.
17. This is a report.....your son.
18. He was a representative.....your firm.
19. He had a reputation.....efficiency.
20. He made a request.....a holiday.

II. Choose the best answer.

1. She smiled.....me.
a. with b. to c. towards d. at

2. That piece of news was delightful.....us.
a for b. to c. with d towards
3. That book is interesting.....me.
~~a to~~ ~~b. for~~ c. through d. with
4. It's no good.....her.
a with b. to c. about d by
5. Would you like to go.....a walk.....the park this afternoon?
a for - in b. for - at c. to - in d to - at
6.the time being, I think you'd better not say anything to him.
~~a in~~ ~~b. for~~ c. with d by
7. Aren't you glad that you went to the party with us.....all.
a in b. after c. above d with
8. It's always better to study vocabulary connection reading.
a with - to b. in - with c. to - in d in - to
9. Mr. Johnson said he was.....favor.....doing the work right away.
a in - of b. with - of c. in - to d to - of
10. Did Mr. Kennedy park his car.....front.....our house?
a at - of b. in - to c. with - to d in - of
11. It was.....my will.
a with b. against c. by d at
12. I saw him.....noon
a for b. with c. against d at
13. He rushed.....me.
a at b. for c. by d. with
14. I took him.....the hand.
a with b. at c. by d to
15. I have taught English.....6 years.
a since b. by c. for d in
16. I paid \$ 500.....this book.
a at b. with c. by d for

17. He is different.....his mother.
 a. from b. with c. for d. at
18. He told me a long story.....his adventures.
 a. at b. with c. of d. by
19. They like to sit.....the fire.
 a. by b. on c. for d. with
20. She works.....her living.
 a. on b. for c. by d. with
21. He suffers.....headaches.
 a. from b. with c. in d. by
22. He is.....royal blood.
 a. for b. in c. of d. with
23. She is afraid.....dog.
 a. of b. by c. into d. with
24. He went so fast that I couldn't keep uphim.
 a. for b. with c. in d. to
25. What's the matter.....you?
 a. in b. to c. with d. for

III.

In abeyance (nolonger in use) - This law is in abeyance.

In abundance (plentiful)-The land has water in abundance.

In accordance with (according to) - We have acted in accordance with your wishes.

In action (performing)-I have never seen him in action.

In advance (before due)-The rent is paid in advance.

In agreement (with somebody about something)-They are never in agreement about anything.

In answer to (replying to, as a reply to)-I received a telegram in answer to my letter.

In appearance (from the point of view of appearance)-He is very like his brother in appearance.

In assent (agreeing)-She nodded her head in assent.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. We must make arrangements.....
2. The band is playing that tune.....a request.
3. These shoes are similar.....but not in quality.
4. I am not.....with your proposals.
5. The team raised their hands.....
6. Many laws.....are being revived.
7. A champion swimmer.....is a wonderful sight
8. There is coal.....in Germany.
9.regulations, these doors must be kept closed.
10. He owns many other houses.....this one.

LEARN

I.

- request to	: yêu cầu ai
- resemblance between	: sự giống nhau giữa
- resemblance to	: sự giống với
- respect for	: sự kính trọng đối với
- response from	: sự đáp ứng từ
- response to	: sự đáp ứng
- reverence for	: sự kính trọng đối với
- reward for	: phần thưởng cho
- road to	: đường đến
- room for	: chỗ cho
- sacrifice to	: hi sinh cho
- regards to	: lời thăm hỏi tới
- regret for	: sự hối tiếc về
- relic of	: tàn tích của
- relief from	: sự khuây khoả nhờ
- reply to	: sự hồi âm cho
- report on	: bản báo cáo về
- representative of	: đại diện của
- reputation for	: nổi danh về
- request for	: yêu cầu

II.

- to smile at S.O	: mỉm cười với ai
-------------------	-------------------

- to be delightful to S.O	: vui mừng, thú vị với ai
- to be interesting to S.O	: hay, thú vị đối với ai
- No good to S.O	: không tốt đối với ai
- to go for a walk	: đi bách bộ, đi dạo, in the park: trong công viên
- For the time being	: trong thời gian này
- After all	: rốt cuộc, sau cùng
- In connection with	: cùng với, liên kết với
- In favor of	: ủng hộ, tán thành
- In front of	: đằng trước, ở đằng trước
- Against one's will	: ngược lại ý muốn của ai
- At noon	: vào lúc giữa trưa
- to rush at S.O	: xông vào ai
- to take S.O by the hand	: nắm tay ai
- For	: cho, trong (đặt trước một khoảng thời gian)
- to pay S.T for S.T	: trả vật gì để được vật gì
- to be different from	: khác với
- A story of adventure	: một câu chuyện phiêu lưu
- By	: bên cạnh, gần
- to work for a living	: làm việc để kiếm sống
- to suffer from	: khổ vì, đau khổ vì
- to be of royal blood	: thuộc dòng dõi hoàng tộc
- to be afraid of	: sợ
- to keep up with S.O	: bám kịp ai
- What's the matter with you?	: bạn sao thế?

III.

- In abeyance	: đình chỉ, hoãn lại
- In abundance	: dư thừa
- In accordance	: theo, tuân theo
- In action	: biểu diễn
- In addition to	: ngoài ra
- In advance	: trước, sớm
- In agreement	: tán thành, bằng lòng
- In answer to	: trả lời
- In appearance	: bề ngoài
- In assent	: tán thành

PRACTICE TEST 6

I. Complete the sentences using the words in the box.

for of against between on in to

1. The driver showed great capability.....racing at high speed.
2. She has no capacity.....hard work.
3. What is the cause.....the disturbance?
4. Is there any chance.....success?
5. The holiday was a change.....us.
6. Everyone enjoyed the change.....climate.
7. The charge.....the man is treason.
8. The charge.....the repair is not very much.
9. There were a lot of cheers.....the competitor.
10. You have to make a choice.....right and wrong.
11. You have a choice.....questions in the exam.
12. He make a claim.....the other driver
13. His success was a combination.....luck and ability.
14. Have a compassion.....a poor man.
15. He has competence.....that difficult job.
16. Congratulations.....your success.
17. My father is a connoisseur.....good wine.
18. My mother has much consideration.....our health.
19. He showed contempt.....our poverty.
20. Henry's new sports car a great contrast.....his father's old car.

II. Choose the best answer.

1. In 1805, England was at war.....France.
a. to b. with c. for d. in
2. All men between 18 and 25exception are expected to serve in the army during war time.
a. without b. during c. with d. for
3. He is content.....his very little salary.
a. to b. for c. with d. in
4. He walked.....the room.....which we were sitting.
a. in - in b. in - for c. into - in d. into - from
5. He wouldn't take advice, and now he has got.....difficulties.
a. to b. into c. with d. for
6. She burst.....tears.
a. out of b. into c. for d. in
7. It is.....three o'clock: it is nearly a quarter past three.
a. about b. at c. past d. around
8. The situation iscure.
a. past b. through c. out d. into
9. The earth moves.....the sun.
a. across b. around c. into d. in
10. Shelley is.....the world's greatest poets.
a. in b. of c. among d. between
11. The rain was beating.....the windows.
a. against b. to c. at d. across
12. Did they ask.....me?
a. at b. to c. before d. after
13. That boy threw a piece of stone.....the old man.
a. for b. at c. towards d. to
14. He was brought.....the judge.
a. to b. with c. before d. for
15. The car went.....full speed.
a. with b. for c. to d. at
16. It looks better.....a distance.
a. to b. for c. at d. but

17. I have not done my exercise.....now.
 a. till b. since c. for d. at
18. Have you sometimes dreamed.....plying off into space?
 a. about b. of c. with d. into
19. He will not pay me.....after the match.
 a. because of b. till c. through d. since
20. I only recognized him.....the way he spoke.
 a. by b. in c. with d. of
21. The lamp fell.....the table.
 a. into b. on c. onto d. down
22. Many people.....the Orient like plain boiled rice.
 a. at b. for c. with d. all are incorrect
23. She gave some advice.....her brother.
 a. to b. for c. with d. all are correct
24. He looked at me..... a smile.
 a. by b. with c. in d. at
25. He wrote.....a fountain pen.
 a. with b. by c. for d. in

III.

In asociation with (together with) - They are building the dam in associaton.

In an attempt to (trying to) - I struggled in an attempt to free myself.

In the balance (in a dangerous situation) - His life is in the balance but doctors hope he will recover.

In bed-she stays in bed until noon.

In bloom (flowering) - The roses are in bloom.

In bond (in the care of the customs authorities)-We have left our luggage in bond.

In business - He's a lawyer, but his brother is in business.

In cash (in actual money) - He pays all his bills in cash.

In charge (of) (responsible for) - We have a first -class mechanic in charge of repairs.

In (strange, etc) circumstances -She died in unusual circumstances.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. Almond trees.....are a lovely sight.
2. He is.....as a furniture manufacturer.
3. I can give you a cheque or pay.....
4. Who is.....the arrangements?
5. You can't stay.....all day.
6. He jumped aside.....avoid the blow.
7. Victory was.....for some time, but in the end we won.
8. Can I leave these dutiable goods.....
- 9.....these....., I am afraid I can't help you.
- * 0. He set up business.....three friends.

.EARN

I.

- capability of	: có khả năng
- capacity for	: có năng lực
- cause of	: nguyên nhân của
- chance of	: cơ hội
- chance for	: sự thay đổi đối với
- change of	: sự thay đổi của
- charge against	: sự buộc tội chống lại
- charge for	: chi phí cho
- cheer for	: sự hoan hô
- choice between	: sự lựa chọn giữa
- choice of	: sự lựa chọn của
- claim against	: yêu sách chống lại
- combination of	: sự kết hợp của
- compassion on	: lòng thương xót đối với
- competence for	: khả năng về
- congratulations on	: chúc mừng cái gì
- connoisseur in/ of	: người sành sỏi về
- consideration for	: quan tâm đến

- contempt for : sự coi thường đối với
- contrast to : tương phản với

II.

- to be at war with a country : có chiến tranh với nước nào
- without exception : không ngoại lệ
- to be content with : hài lòng với
- Into : vào trong; in: trong
- to get into difficulties : gặp khó khăn, trở ngại
- to burst into tears : bật khóc
- Past : quá, qua, hơn
- past cure : hết thuốc chữa, hết cách chữa trị
- Around : chung quanh
- Among : trong số, trong đám
- Against : đẩy vào, áp vào
- to ask after : hỏi thăm
- to throw S.T at S.O : ném cái gì vào ai
- to be brought before the judge : bị đưa ra toà
- at full speed : với tốc độ tối đa
- at a distance : ở xa, ở cách một khoảng
- till now : cho đến nay, cho đến bây giờ
- to dream of : mơ tới, mơ về
- Till : cho đến khi
- by the way : bằng cách
- to fall onto S.T : rơi lên trên vật gì, ngã đè lên trên vật gì
- in the orient : ở Đông Phương
- to give advice to S.O : khuyên bảo ai
- with a smile : với một nụ cười, bằng một nụ cười
- to write with a pen : viết bằng bút

III.

- In association with	: liên kết với
- In an attempt to	: cố gắng
- In the balance	: nghiêm trọng
- In bed	: nằm nghỉ
- In bloom	: nở rộ
- In bond	: bị giữ
- In bussiness	: đi công tác
- In cash	: bằng tiền mặt
- In charge	: chịu trách nhiệm
- In circumstances	: trong hoàn cảnh

PRACTICE TEST 7

I. Complete the sentences using the words in the box.

of for against in about over to from with on

1. It was my difficult competition.....that component.
2. There was a compromise.....those two different opinions.
3. Mr. Green showed great concern.....the welfare of his employees.
4. She has much confidence.....her ability.
5. Your deressing style should be in conformity.....our custom.
6. He had no control.....the class.
7. I saw a couple.....horses.
8. He was a credit.....his parents.
9. Such a deed is a crime.....society.
10. This aspirin is a cure.....your headache.
11. Rising at six o'clock is a custom.....mine.
12. This road is a danger.....pedestrians.
13. There was a decrease.....the price of rice.
14. The car can't start due to a defect.....the engine.
15. There is a delay.....the production of these cars.
16. John takes delight.....climbing trees.
17. The artist gave a demonstration.....his technique.
18. Charles claims to be a descendant.....Shakespeare.
19. The mountaineers start their descent.....the top.
20. They conducted a discussion.....sex discrimination.

II. Choose the best answer.

1. I don't feel.....dancing.
a. with b. in c. like d. to
2. She took me.....my brother.
a. by b. for c. to d. with
3. I came on Monday at ten o'clock.....the morning.
a. from b. in c. at d. for
4. He read that..... a book
a. at b. from c. to d. in
5. What do you mean.....that?
a. through b. by c. into d. to
6. I'm sorry. I took your hat.....accident.
a. by b. at c. from d. for
7. He is paid.....the hour.
a. at b. for c. in d. by
8. What country do you come.....?
a. to b. from c. by d. out of
9. Wine is made.....grape.
a. from b. of c. into d. with
10. I'm.....trouble with my teacher over some careless work.
a. at b. in c. of d. with
11. Don't look at me.....that.
a. as b. like c. for d. with
12. He didn't dare to say it.....my face.
a. on b. with c. in d. to
13. It looks.....rain.
a. like b. after c. into d. for
14. Things are going.....bad.....worse.
a. out of - to b. to - out of c. from - to d. to - from
15. He is living.....his means.
a. within b. on c. in d. at
16. He has a craving.....wealth.
a. with b. for c. in d. at

17. It's unwise to put credit.....anybody.
a to b. at c. in d. for
18. He takes great delight.....teasing her.
a. at b. on c. to d. in
19. There is a great demand.....employees in my office.
a. for b. in c. to d. at
20. Who is not for me isme.
a. towards b. against c. to d. for
21. It's.....the law.
a. among b. against c. to d. for
22.all, I love music, I love jazz.
a. In b. at c. above d. over
23. He goes on day.....day, week.....week without any change.
a. after-after b. to - to c. for - for d. with-with
24. His conduct is.....reproach.
a. at b. on c. to d. above
25. William is.....meanness.
a. against b. above c. towards d. according to

III.

In the majority (greater in number)-In our club, women are in the majority.

In mind (though about)-Have you a person in mind for the position?

In mourning (for) (wearing black; sad because of loss)-The nation is in mourning for the King.

In need (of) (needing)- My shoes are in need of repair.

In the negative (not accepting)-The reply when it came was in the negative.

In the news-This affair is very much in the news at present.

In office (occupying office)-The President remains in office for three years.

In order (organised)-These papers are in a mess; put them in order.

In pain - He's very pale; he must be in great pain.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. Why is she dressed in black? She's.....her husband.
2. The house is dirty; it's.....painting.
3. I will keep your request.....; I won't forget.
4. I wouldn't ask him now; he's not.....very.....
5. Flying sucers are.....again.
6. The sections are arranged.....alphabetical.....
7. his face shows that he is.....
8. Ministers.....are obliged to take some unpopular decisions.
9. In this district foreigners are.....
10. The answer is.....

LEARN

I.

- Competiton against	: cuộc cạnh tranh với
- Compromise between	: sự thoả hiệp giữa
- concern about/in	: sự quan tâm về
- confidence in	: sự tin tưởng vào
- conformity to/with	: phù hợp với
- control over/of	: sự kiểm soát
- couple of	: cặp, hai
- credit for	: sự tín nhiệm đối với
- crime against	: tội ác chống lại
- cure for	: sự chữa trị cho
- custom of	: thói quen của
- danger to	: nguy hiểm đối với
- decrease in	: sự giảm, xuống
- defect in	: khuyết điểm ở
- delay in	: sự trì hoãn, chậm trễ
- delight in	: sự thích thú về
- demonstration of	: sự minh hoạ
- descendant of	: con cháu của

- descent from : *sự đi xuống từ*
- discussion about/on : *sự thảo luận về*

II.

- to feel like + GERUND : *cảm thấy hứng thú (làm điều gì)*
- to take S.O for S.O : *lầm ai với ai*
- in the morning : *vào buổi sáng*
- to read S.T in the book : *đọc được điều gì ở sách*
- to mean S.T by S.T : *có ý muốn nói điều gì qua điều gì*
- by accident : *do tình cờ, do vô tình*
- By the hour : *tính theo giờ*
- to come from : *xuất xứ từ, xuất thân từ*
- make from : *chế tạo từ*
- to be in trouble : *gặp trở ngại, gặp trục trặc*
- like : *như like that: như thế*
- to say to S.O's face : *nói thẳng vào mặt ai*
- to look like : *như, có vẻ như*
- from bad to worse : *càng lúc càng tệ*
- to live within one's means : *sống trong điều kiện cho phép*
- to have a craving for S.T : *thèm khát điều gì*
- to put credit in S.O : *đặt tin tưởng vào ai*
- to talk delight in doing S.T : *thích thú làm điều gì*
- to have a demand for : *có nhu cầu về*
- to be against S.O : *chống lại ai*
- to be against the law : *phạm luật*
- above all : *hơn hết, hơn tất cả*
- day after day : *ngày này sang ngày khác*
- week after week : *tuần này sang tuần khác*
- above reproach : *không thể trách cứ vào đâu được*

- above meanness

*không thể xem là bản thiện
được*

III.

- In the majority

: số đông

- In mind

: trong tâm trí

- In a good mood

: tâm trạng tốt

- In mourning

: đồ tang, để tang

- In need

: cần

- In the negative

: vô hiệu

- In the news

: chương trình thời sự

- In office

: nắm giữ

- In order

: sắp xếp thứ tự

- In pain

: chịu đau

PRACTICE TEST 8

I. Complete the sentences using the words in the box.

towards in of with between for over on about

1. His behaviour.....his uncle was very bad.
2. Their belief.....God sustained them through the sufferings.
3. The belief.....the early Christians were rapidly spread far and wide.
4. There are many benefitseducation.
5. Who got the blame.....breaking the window?
6. Emily Bronte gave us a vivid description.....Yorkshire in her novel.
7. The poet had a great desire.....recognition.
8. Bill was the despair.....his mother.
9. Our mother has great devotion.....us.
10. The doctor's diagnosis.....my illness is exact.
11. There is a great difference.....him and his wife.
12. There is a great disagreement.....that matter.
13. He and I have disagreement.....each other.
14. They have disbelief.....religions.
15. The philosopher held an interesting discourse.....the scientist.
16. There is no discrimination.....these two people.
17. He showed disdain.....his former friends.
18. He showed disregard.....his safety.
19. He showed dissatisfaction.....his teacher.
20. There is no distinction.....the two tests.

II. Choose the best answer.

1. He put the book.....the table and sat down.....a chair.
a. on - in b. on - with c. on - on d. on - into
2.my honour, I did not do it.
a. Through b. on c. by d. with
3. He turned his back.....her.
a. beside b. next to c. by d. on
4. The dog jumped.....the table.
a. through b. over c. out of d. past
5. Someone left a box in the garden and I fell.....it in the dark.
a. into b. by c. off d. over
6. He was wonded.....the leg.
a. by b. in c. at d. with
7. This is something.....a cake.
a. with b. to c. like d. into
8. He spoke.....a whisper.
a. in b. into c. like d. with
9. I began to work here.....January.....the year 1980.
a. on - in b. at - in c. in - in d. in - at
10. I shall be ready.....a moment.
a. for b. in c. with d. on
11. He moans.....hell when he loses a bet.
a. to b. like c. with d. on
12.one enemy he has 50 friends.
a. with b. to c. for d. through
13. When were you released.....prison?
a. at b. into c. from d. out of
14. How would you know an Englishman.....an American?
a. by b. out of c. from d. with
15. He is expert.....economics.
a. on b. with c. in d. of
16. We rejoice.....her success.
a. in b. at c. over d. all are correct

17. Have you ever heard.....the English poet John Keats?
 a. of b. from c. with d. to
18. I think he can make a success.....music.
 a. to b. in c. with d. of
19. I am not related.....him.
 a. with b. to c. for d. into
20. They live.....rice.
 a. with b. on c. by d. for
21. Three.....them attacked me.
 a. of b. out of c. in d. all are incorrect
22. He is a man.....his forties.
 a. on b. about c. to d. in
23. Why are you.....such a hurry?
 a. with b. in c. by d. on
24. I'm afraid we are.....for a storm.
 a. out b. in c. out of d. into
25. He gave me a piece.....good advice.
 a. with b. of c. in d. no preposition needed

III.

In part (partly) - I am in part, but not completely, responsible for the scheme.

In particular (especially)-He is interested in all these models, but in any one in particular.

In payment - I am sending you a cheque in payment of my account.

In person (personally)-The president will attend in person.

In perspective (from a distance)-You must see the problem in proper perspective.

In place of (instead of)-Will you give me a new record in place of this damaged one?

In play (not seriously)-He pointed the pistol at me in play.

In plenty (in abundance) - In London you will have opportunities in plenty to go to the theatre.

In a (sad) plight (in a difficult situation) - The refugees in a sad plight, without food or shelter.

In pocket (having made a profit)-He always comes away from the races in pocket.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. Three film stars will appear.....
2. Are you interested in any book.....
3. He sent me a money order.....of the debt.
4. She has come.....her sister.
5. There are houses.....for sale.
6. He waved the sword at me.....
7. You are.....to blame.
8. I haven't lost any money; I'm.....
9.the situation isn't as bad as I thought.
10. The defeated army was.....a desperate.....

LEARN

I.

- behaviour towards	: sự cư xử với
- belief in	: niềm tin vào
- belief of	: niềm tin của
- benefit of	: lợi ích của
- blame for	: lỗi về
- description of	: sự mô tả về
- desire for	: ước ao về
- despair of	: sự thất vọng của
- devotion to	: sự tận tụy với
- diagnosis of	: sự chuẩn đoán về
- difference between	: sự khác biệt giữa
- disagreement about/on/over	: sự bất đồng về
- disagreement with	: sự bất đồng với
- disbelief in	: sự không tin vào

- discourse with s.o on s.th	: sự bàn luận với ai về việc gì
- discrimination between	: sự phân biệt giữa
- disdain for	: sự khinh khi đối với
- disregard for/ of	: sự coi thường
- dissatisfaction with	: sự bất mãn với
- distinction between	: sự khác biệt giữa

II.

- on	: trên
- on one's honour	: lấy danh dự mà thế
- to turn one's back on S.O	: quay lưng lại với ai, bỏ rơi ai
- to ^{jump over} jump over S.T	: nhảy qua vật gì
- to fall over S.T	: vấp phải vật gì mà ngã
- to be wounded in the leg	: bị thương ở chân
- something like	: mới thật là
- to speak in a whisper	: nói nhỏ, nói thì thầm
- in + month	: vào tháng... In the year: vào năm
- in a moment	: lát nữa, ngay chốc nữa
- to moan like hell	: than trời trách đất
- for	: cứ, cứ mỗi
- to be released from prison	: ra tù
- to know S.O from S.O	: phân biệt được ai với ai
- to be expert in a subject	: chuyên môn về
- to rejoice at (over, in) S.T	: mừng rỡ về điều gì
- to hear of	: nghe nói lời
- to make a success of S.T	: thành công việc gì
- to be related to S.O	: có bà con thân thuộc với ai
- to live on	: sống nhờ
- three of them	: ba người trong bọn họ
- A man in his forties	: một người trong độ tuổi 40 (từ 40 tới 49 tuổi)

- | | |
|------------------------|------------------|
| · in a hurry | : hối hả, vội vã |
| · to be in for a storm | : gặp bão |
| · a piece of advice | : một lời khuyên |

III.

- | | |
|------------------|---------------------|
| - in part | : một phần |
| - in particular | : đặc biệt, cá biệt |
| - in payment | : số tiền trả |
| - in person | : đích thân |
| - in perspective | : triển vọng |
| - in place of | : thay vì, thay cho |
| - in play | : đang hoạt động |
| - in plenty | : có nhiều |
| - in a plight | : cảnh ngộ khốn khó |
| - in pocket | : chiếm bỏ túi |

PRACTICE TEST 9

I. Complete the sentences using the words in the box.

in of on for to about from

1. There were dozens.....eggs.
2. They imposed heavy duty.....spirits and tobacco.
3. She has an ear.....music.
4. There is great emphasis.....education in most countries.
5. Put an end.....the row with your sister.
6. They showed enthusiasm.....public work.
7. There is no entrance.....this place.
8. Such an action is the equivalent.....murder.
9. The waiter made an errorthe bill.
10. The judge made an example.....the boy and punished him severely.
11. There is no exception.....this rule.
12. This is an excerpt.....a play by Shakespeare.
13. There was a sharp exchange.....word between the two rivals.
14. There was no excuse.....such poor behaviour.
15. He has experience.....applied linguistics.
16. He has experience.....teaching applied linguistics.
17. She is an expert.....advanced mathematics.
19. His too much exposure.....the sunshine is dangerous.
20. She has strong faith.....God.

II. Choose the best answer.

1. She sat.....me.
a. beside b. next to c. between d. a and b are correct

2. There were others.....me.
 a. in addition to b. besides
 c. A and B are correct d. between
3. He is interested.....going to the movies.
 a. with b. by c. on d. in
4. She can read that paragraph.....looking at the book.
 a. without b. in addition to c. besides d. inspite of
5. We are fond.....listening to music.
 - a. with b. of c. by d. in
6. I am looking forward.....hearing from you soon.
 - a. by b. with c. to d. of
7. They are opposed.....having meetings very often.
 a. by b. to c. with d. for
8. She likes to go.....a picnic.
 a. for b. on
 c. A and B are correct d. by
9. He is a man.....action.
 a. of b. with c. for d. about
10. She saw a butterfly.....the window.
 a. across b. in c. into d. through
11. There is a forest.....the river.
 a. across b. on c. above d. about
12. I work hard.....help my family.
 a. so as to b. in order to c. in order that d. A and B are correct
13. She smiled.....him.
 a. at b. with c. to d. about
14. They quarreled.....nothing.
 a. about b. into c. with d. of
15. The aeroplane is flying.....our heads.
 a. across b. above c. upon d. over
16. Shut the door.....you.
 a. for b. after c. with d. into
17. The servant looks.....my children
 a. into b. for c. about d. after
18. Have you heard.....Beethoven?
 a. from b. of c. in d. with

19. What do you think.....this sonata of Beethoven?
 a. of b. to c. with d. from
20. Playing cards is not harmful.....itself but gambling may be.
 a. on b. into c. in d. with
21. To be.....debt is to be.....danger.
 a. in - out of b. out of - in c. in - in d. B and C are correct
22. A stitch.....time saves nine.
 a. on b. in c. at d. with
23. A bird.....the hand is worth two.....the bush.
 a. on - on b. on - in c. in - in d. in - on
24. I will give you a new hat.....place of the one that I damaged.
 a. in b. out of c. on d. for
25. Water was streaming.....the roof.
 a. in b. out of c. from d. off

III.

In possession (of) (possessing)-The police are in possession of the facts.

In power (occupying power)-The party in power governs the country.

In practice (not in theory)-In theory it should be easy, but in practice it isn't.

In principle (in general)-The committee accepted the idea in principle, but asked for more details.

In the process (during the action)-I helped her and learned a lot myself in the process.

In progress (begun)-Work on the new building is already in progress.

In proportion (with) (balanced)-His arms are not in proportion with the rest of his body.

In prospect (seen from a distance)-In prospect the plan looks very attractive.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. The palace has been redecorated.....the President's visit.
2. The doors and windows are not.....rest of the building.
3. Preparations for the meeting are already.....

4. Although he is so old, he is.....full.....all his faculties.
5. I agree with you.....but we must discuss the proposal further.
6. The party has been.....for three years.
7. Good ideas sometimes don't work out well.....
- 8.....the proposal looks promising.
9. She chose silk.....nylon.
10. He buys and sells land and makes a lot of money.....

LEARN

I.

- Dozen of	: <i>hàng tá</i>
- duty on	: <i>sự đánh thuế trên</i>
- ear for	: <i>thính / sành về</i>
- emphasis on	: <i>sự nhấn mạnh về</i>
- end to	: <i>sự chấm dứt đối với</i>
- enthusiasm about/for	: <i>niệt tình đối với</i>
- entrance to	: <i>lối vào</i>
- equivalent (n) of	: <i>sự tương đương với</i>
- error in	: <i>lỗi về</i>
- example of	: <i>sự làm gương</i>
- exception to	: <i>luật trừ đối với</i>
- excerpt from	: <i>bản trích từ</i>
- exchange of	: <i>sự trao đổi qua lại</i>
- excuse for	: <i>sự xin lỗi về</i>
- experience in	: <i>kinh nghiệm về</i>
- experience of doing Sth	: <i>kinh nghiệm làm cái gì</i>
- Expert at/on a subject	: <i>chuyên gia về một môn học</i>
- expert in doing Sth	: <i>chuyên gia làm cái gì</i>
- exposure to	: <i>sự phơi ra trước</i>
- faith in	: <i>niềm tin vào</i>

II.

- beside = next to	: <i>kế bên, bên cạnh</i>
- in addition to = besides	: <i>ngoài, ngoài ra</i>
- to be interested in	: <i>quan tâm tới</i>
- without	: <i>không, không có</i>
- to be fond of	: <i>thích</i>

- to look forward to + GERUND	: mong, mong mỏi
- to be opposed to	: phản đối, chống lại
- to go for (on) a picnic	: đi picnic, đi chơi có tổ chức ăn uống ngoài trời.
- a man of action	: người hành động (trái nghĩa với người chỉ biết nói suông)
- through the window	: qua cửa sổ, xuyên qua cửa sổ
- across the river	: bên kia sông
- so as to = in order to	: để, để mà
- to smile at S.O	: mỉm cười với ai
- to quarrel about nothing	: cãi nhau vì những chuyện không đâu
- above	: trên, phía trên, bên trên
- shut the door <u>after</u> you	: đóng cửa sau khi vào (ra)
- to look after	: chăm sóc
- to hear of S.O	: nghe nói đến tên ai
- to think of	: nghĩ về
- In itself	: tự nó, chính nó
- to be in debt	: mắc nợ, to be danger: gặp nguy hiểm
- in time	: kịp lúc
- in	: trong
- in place of	: để thay thế
- to stream off	: chảy xuống như suối
- to get S.T off S.T	: tháo vật gì ra khỏi vật gì

III.

- in possession (của)	: nắm giữ
- in power	: điều khiển, lãnh đạo
- in practice	: trong thực tế
- in preference to	: thích cái gì hơn
- in preparation for	: chuẩn bị cho
- in principle	: về nguyên tắc
- in the process	: quá trình
- in progress	: đang tiến hành
- in proportion	: tỷ lệ, tương ứng
- in prospect	: triển vọng, viễn cảnh

PRACTICE TEST 10

I. Complete the sentences using the words in the box.

of for to over toward with against from

1. There was an abundance.....fruit that year.
2. I have great admiration.....him.
3. There is a sign "No admission.....this building".
4. His behaviour was an admission.....guilt.
5. He took the advantage.....his opportunity to get a job in a foreign company.
6. She has an advantage.....me in learning maths.
7. Tom's pleasant personality is a great advantage.....him.
8. He gave me advice.....how to stay healthy.
9. He is an advocate.....freedom, justice, and reform.
10. The dog shows great affection.....his master.
11. He spoke with an air.....authority.
12. The knights showed their allegiance.....the king by taking an oath of loyalty.
13. England formed an alliance.....the enemy.
14. England formed an alliance.....its friendly neighbour.
15. There was an allusion to a recent strike in his speech.
16. What is the alternative.....this question?
17. I received an answer.....Ann.
18. James received no answer.....his letter.
19. His appeal.....justice received no answer.
20. The government appealed.....its people to fight against the enemy.

II. Choose the best answer.

1. Never say anything.....a person's back.
a. at b. behind c. in back of d. after
2. In boxing it is a foul to hit.....the belt.
a. above b. over c. below d. down
3. His ideas are all.....the times.
a. like b. behind c. but d. except
4. The cost of the whole work was.....\$20
a. under b. A and C are correct
c. below d. A and C are incorrect
5. He was.....himself with rage.
a. against b. for c. beside d. with
6. The sun was.....the clouds.
a. after b. in front of c. behind d. beside
7. He is.....other boys of his age.
a. in back of b. after c. behind d. all are incorrect
8. Skirts this year reach just.....the knees.
a. after b. in front of c. below d. in back of
9. What you have said is quite.....the mark.
a. in b. besides c. next to d. into
10. If you become a candidate, we'll be.....you.
a. of b. into c. behind d. below
11. He was.....himself with joy.
a. to b. beside c. in d. of
12. He is.....work on a new book.
a. in b. at c. of d. with
13. These flowers were growing.....the trees.
a. beneath b. besides c. in d. below
14. This train is.....time.
a. behind b. after c. in back of d. below
15. Go and sit.....Richard.
a. beside b. next to c. by d. all are correct

16. That's going.....a joke.
a. after b. for c. beyond d. into
17. Your work is.....the average.
a. under b. beneath c. down d. below
18. He can't be.....sixty years of age.
a. below b. under c. beneath d. A and B are correct
19. There are many others.....me who disagree on what you say.
a. with b. besides c. to d. as
20. Don't stay out.....6 o'clock.
a. after b. beyond c. before d. A and B are correct
21. He thinks there is no one.....himself to be considered.
a. under b. of c. besides d. with
22. What is this tool.....?
a. from b. for c. with d. in
23. I have twenty students.....my class.
a. into b. from c. in d. to
24. They chose him.....their leader.
a. with b. for c. by d. into
25. I think he is ill, send.....a doctor.
a. to b. with c. for d. in

III.

In touch with (communicating with) - I can't get in touch with him; his telephone is out of order.

In trust (to be looked after)-He left all his money in trust for his children.

In tune (with) (in harmony with)-His singing is awful; he's never in tune.

In turn (one after another)-The headmaster visited each class in turn.

In use (being used)-I can't lend you a typewriter, they're all in use.

In vain (uselessly)-he knocked several times in vain; there was nobody in.

In view of (because of)-In view of these difficulties, we shall have to abandon the scheme.

In vogue (fashionable)-Short skirts were in vogue in the Twenties.

In want (without means)-He will help us; he will never see us in want.

In the way (causing an obstruction) - i can't see the screen; his head is in the way.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. Beards were.....in the nineteenth century.
2. I tried.....to convince him.
3. The staff is asking for in creases of salary.....the rise in the cost of living.
4. She will arrive on Monday and will get.....you immediately.
5. Move that chair, it's.....
6. Please try to play.....
7. Each boy.....came up to receive his diploma.
8. He left his collection.....to the nation.
9. The machine isn't broken; it's.....right now.
10. Since he lost his job they have been living.....

LEARN

I.

- abundance of	: dồi dào về
- admiration for	: thán phục ai
- admission to	: sự cho phép vào
- admission of	: sự thú nhận
- advantage of	: sự thuận lợi của
- advantage over	: thuận lợi hơn
- an advantage to	: thuận lợi đối với ai
- advice on	: lời khuyên về
- advocate of	: người ủng hộ
- affection for/toward	: có sự thương mến đối với
- air of	: điệu bộ, vẻ
- allegiance to	: trung thành với

- alliance against	: liên minh chống lại
- alliance with	: liên minh với
- allusion to	: ám chỉ đến
- alternative to	: sự thay thế cho
- answer from	: sự trả lời từ
- answer to	: câu trả lời cho
- appeal for	: lời kêu gọi cho cái gì
- appeal to	: kêu gọi ai

II.

- behind a person's back	: sau lưng ai, không có mặt ai
- to hit below the belt	: đánh dưới thắt lưng
- behind the times	: cũ rích, đồ cổ
- under (below) \$20	: dưới 20 đô la
- beside oneself with rage	: giận điên tiết, giận dữ đến mất cả tự chủ
- behind	: sau, ở đằng sau
- below the knees	: dưới đầu gối
- besides the mark	: ngoài ván đề
- behind S.O	: ủng hộ ai
- beside oneself with joy	: mừng quýnh lên
- at work	: làm việc, đang làm việc
- beneath the trees	: dưới hàng cây
- behind time	: muộn, chậm giờ, trễ giờ
- next to = by = beside	: kế bên, cạnh bên
- beyond a joke	: vượt quá giới hạn của một câu chuyện đùa
- below the average	: dưới trung bình
- under (below)...years of age	: dưới...tuổi
- besides	: ngoài ra, thêm vào
- after (beyond) 6 o'clock	: sau 6 giờ
- besides	: ngoài ra

- to be for : để làm gì, để dùng vào việc gì
- in a class : trong lớp học
- to choose S.O for a post : chọn ai vào một chức vụ gì
- to send for S.O : mời ai tới, gọi ai tới

III.

- in touch with : liên lạc với
- in trust : uỷ thác, uỷ quyền
- in tune (with) : đúng giọng
- in turn : lần lượt
- in use : đang sử dụng
- in vain : vô ích
- in view of : xem xét, bởi vì
- in vogue : đang được ưa chuộng
- in want : cảnh túng thiếu
- in the way : làm cản trở

PRACTICE TEST 11

I. Complete the sentences using the words in the box.

to over on with of in into between after from about

1. He has a total indifference.....football.
2. He has a great influence.....his followers.
3. There was a great influx of refugees.....the tiny country.
4. We inquire.....the study abroad in New Zealand.
5. We often inquired.....our parents.
6. They in quired.....the matter of water pollution.
7. Tolsoy had great insight.....human heart.
8. The man had no intention.....returning.
9. She has great interest.....model clothes.
10. I was granted an interview.....the manager.
11. There was a good introduction.....that famous book.
12. There was intrusion.....the bank last night.
13. We got an invitation.....his wedding.
14. Patience is the key.....success.
15. The house is made from a local kind.....stone.
16. There has been a lapse.....church attendance.
17. There is no limit.....learning.
18. There is a link.....Black's strange behaviour and the thief.
19. His strange behaviour has a link.....the thief.
20. What is the great lure.....adventure.

II. Choose the best answer.

1. Before they hire anyone, they check up.....his background.
a. about b. on c. for d. with

2. I don't see how you can put up.....such bad working conditions.
a to b. on c. with d in
3. When I was a child, I once tried to run away.....home.
a to b. from c. at d into
4. When you go to a foreign country, you must adapt yourself.....new manners and customs.
a with b. to c. into d about
5. He burdened his horse.....a bag of 50 kilos
a by b. for c. to d with
6. The judge condemned the prisoner.....death.
a to b. at c. by d with
7. All the newspapers condemned the Minister of National Defense.....his speech attacking a friendly nation.
a for b. about c. with d at
8. To many trees around my house deprive it.....light and air.
a with b. for c. of d by
9. The National Defense Department exempts him.....service in the army.
a out of b. from c. with d to
10. He fastened his eyes.....the stranger who stood in the school - yard.
a into b. on c. with d to
11. To buy tickets, you must force your way.....the crowd.
a through b. into c. to d across
12. I have already introduced Miss Hien.....Mr Hung.
a with b. for c. to d by
13. Why did you quarrel.....your friends.....such a small matter?
a with-about b. with-on c. to-about d to-on
14. You ought to be certain.....a matter before you speak of it.
a about b. with c. to d by
15. The tree has fallen.....the railway line.
a beside b. across c. into d down

16. We flew.....the clouds.
a. above b. beside c. across d. along
17. Henry's house is.....the road from us.
a. above b. beside c. across d. along
18. I think Martha was pleased.....the gift I gave her for her birthday.
a. about b. with c. by d. to
19. That hotel is famous.....it's pleasant atmosphere and fine food.
a. to b. for c. about d. with
20. Don't you think Mary's new Spring coat is very becoming.....her.
a. with b. for c. into d. to
21. You really shouldn't boast.....your success.....others.
a. in - to b. with - for c. about - to d. of - for
22. My mother is a true friend.....me.
a. to b. with c. in d. for
23. He is a man whose word is relied.....
a. with b. at c. by d. on
24. The boy.....books under his arms is an excellent student.
a. of b. with c. for d. about
25. This street is named.....one of our heroes.
a. for b. after c. at d. by

III.

In secret (secretly)-If we don't get permission, we shall have to meet in secret.

In session (meeting)-Parliament is in session.

In short (briefly)-I can't go into details- but, in short, it was a failure.

In sight (visible) - There wasn't a house in sight.

In step (with) (together)-Now, all together, keep in step.

In stock (available)-We haven't any copies in stock.

In (serious) straits (in difficulty) - If help doesn't come, we shall be in serious straits.

In (short) supply (not readily available) - I can't give you much sugar: it's in short supply.

In support of (supporting)-he has collected over 1,000 signatures in support of his protest.

In time (to, for) - I was just in time to see him. He arrived in time for the meeting.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. Is there a bus.....?
2. I'm sorry, we have no green wool.....
3. I haven't found any paraffin; it seems to be.
4. You can't go in; the Committee is.....
5. He's lazy, dishonest and dirty;.....he's mess.
6. They marched.....the music.
7. I got there.....see the procession.
8. Since their father's death, the family have been.....
9. As they didn't want him to know, they made their preparations.....
10. Many delegates spoke.....the proposal.

LEARN

I.

- indifference to	: sự dửng dưng đối với
- influence over/on/with	:
- influx in	: sự đổ xô đến
- inquire about Sth	: tìm kiếm thông tin
- inquire after S.o	: hỏi thăm sức khỏe ai
- inquire into Sth	: xem xét cái gì
- insight into	: cái nhìn thấu đáo về
- intention of	: ý định về
- interest in	: sự quan tâm đến
- interview with	: cuộc phỏng vấn với
- introduction to	: sự giới thiệu về

- intrusion into	: sự đột nhập vào
- invitation to	: lời mời đến
- key to	: chìa khoá / bí quyết cho
- kind of	: loại
- lapse from	: sự sa sút
- limit to	: sự giới hạn đối với
- link between	: sự nối kết giữa
- link with	: sự nối kết với
- lure of	: sự lôi cuốn, mê hoặc

II.

- to check up on	: kiểm tra, tra xét
- to put up with	: chịu đựng, nhân nhượng
- to run away from home	: bỏ nhà ra đi, trốn khỏi nhà
- to adapt oneself to a situation	: thích nghi vào một hoàn cảnh
- to burden an animal with S.T	: chất cái gì lên một con vật
- to condemn S.O to death	: kết án tử hình ai
- to condemn S.O for S.T	: kết án về điều gì
- to deprive S.O of S.T	: tước đi của ai cái gì
- to exempt S.O from doing S.T	: miễn cho ai khỏi làm việc gì
- to fasten one's eyes on	: nhìn chăm chăm vào
- to force one's way through	: chen lối đi qua
- to introduce S.O to another	: giới thiệu ai với một người khác
- to quarrel with S.O about S.T	: cãi nhau với ai về điều gì
- to be certain about a matter	: chắc chắn về một vấn đề
- across	: ngang qua
- above	: trên, bên trên
- across the road	: bên kia đường
- to be pleased with S.T	: hài lòng vì điều gì
- to be famous for	: nổi tiếng về

- to be becoming to S.O	: <i>vừa với ai, hợp với ai</i>
- to boast about S.T to S.O	: <i>khoe khoang, khoác lác với ai điều gì</i>
- a true friend to S.O	: <i>một người bạn tốt đối với ai</i>
- to be relied on	: <i>được tin cậy, đáng tin cậy</i>
- With books under one's arms	: <i>cặp sách, cặp sách</i>
- to be named after a person	: <i>đặt tên theo tên của một người</i>

III.

- in secret	: <i>bí mật</i>
- in session	: <i>Hội nghị về công việc</i>
- in short	: <i>Nói tóm lại</i>
- in sight	: <i>Tầm nhìn</i>
- in step	: <i>Cùng nhau</i>
- in stock	: <i>Có sẵn</i>
- in straits	: <i>Khốn khó</i>
- in supply	: <i>Khẩn hiếm</i>
- in support of	: <i>Nhằm ủng hộ</i>
- in time	: <i>đúng giờ, kịp giờ</i>

PRACTICE TEST 12

I. Complete the sentences using the words in the box.

for of from with on to about towards at in against over

1. There is now no hope.....the survivors.
2. The girl had a horror.....snakes.
3. There is no hurry.....the book.
4. The immunity.....hepatitis is necessary for all of us.....
5. Mrs Black showed impatience.....the unruly students by refusing to continue teaching them.
6. I had an impression.....a shy girl before I met her.
7. Miss Jones made a good impression.....the manager.
8. An increase in wages is an incentive.....better work.
9. This restaurant is a favourite.....mine.
10. Waters are a feature.....this district.
11. What is your feeling.....these refugees?
12. The fight.....ourselves is a hard one.
13. He had a fine.....driving offence.
14. She is a graduate.....mathematics.
15. We had a great grief.....the death of our friend.
16. What are the grounds.....your divorce?
17. Can we have a guarantee.....our president's safety?
18. Make a guess.....the answer.
19. The boy has the habit.....biting his nails.
20. The prince is an heir.....the throne.

II. Choose the best answer.

1. Is this secretary experienced.....work of this sort?
a to b. on c. with d. in
2. Her looks were expressive.....gratitude.
a. in b. with c. of d. into
3. She was false.....him.
a. in b. with c. of d. to
4. The wound is likely to prove fatal.....him.
a. with b. to c. into d. for
5. The wind is favourable.....setting sail.
a. with b. to c. for d. in
6. Since it's important, would you attend.....that matter right away?
a. of ~~b. with~~ c. to d. by
7. I really don't see why you object.....our suggestion so strongly
a. to b. of c. with d. into
8. Why don't you plan.....meeting us here shortly after 5 o'clock?
a. of ~~b. on~~ c. with d. about
9. Be sure to thank your host and hostess.....having you to their house.
a. about b. with c. in d. for
10. Could you supply us.....several more copies of the announcement?
a. for b. to c. with d. about
11. I don't have a book today. May I look on.....you, please?
a. to b. by c. about d. with
12. George really goes in.....tennis. It's his favourite sport.
a. for b. with c. to d. into
13. You can't sign that: you areage.
a. out of b. across c. under d. through
14. I did that.....orders.
a. with b. for c. to d. under

15. According.....him there is nothing more to be done.
a. for b. with c. to d. through
16. Don't talk all.....the question, come.....the point.
a. about-into b. round-for c. around-to d. about-to
17. You will soon get used.....his way of speaking.
a. for b. to c. with d. of
18. The war was fought.....land.....sea and.....the air.
a. in-in-in b. in-on-in c. on-on-on d. on-on-in
19. The town is.....the Dong Nai river,the left bank.
a. on-on b. in-on c. in-in d. on-on
20. He is always.....good health and is never.....need of a doctor.
a. on-in b. in-on c. in-in d. on-on
21. He shot the bird.....the wing.
a. in b. of c. on d. at
22. He is.....the committee.
a. in b. into c. with d. on
23. Go.....these papers carefully.
a. in b. about c. of d. through
24. He worked all.....his holidays.
a. in b. about c. of d. through
25. That coat is quite wet: hold it.....the fire for a few minutes.
a. to b. into c. in d. towards

III.

In flight (flying) - Geese in flight are very attractive.

In flower (flowering) - Almond trees in flower look like snow from a distance.

In force (current) - Is that law still in force?

In (good) from (performing well)-The favourite will win; he's in very good form.

In general - Women in general are more concerned about their clothes than men.

In hand (being done) - The work is in hand and will be finished by next week.

In (great) haste (hurriedly) - We got up late and packed in great haste.

In (good) health (healthy) - He's 80 but in very good health.

In a hurry - He never has time for anything, he's always in such a hurry.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. The new regulations are already.....
2. Now the plans are finished we can put the work.....
3. Wait for me. Why are you.....such.....?
4. A seagull.....is most graceful.
5. I expected to find him ill, but he was.....
6. There are soldiers.....in the woods.
7. These children.....are bright, though there are one or two dull ones.
8. We had to do our shopping.....as we had very little time.
9. The roses are.....
10. He is unbeatable when he is.....

LEARN

I.

- hope for	: sự hi vọng cho
- horror of	: nỗi sợ về
- hurry for	: sự vội vã tìm
- immunity from	: sự miễn dịch đối với
- impatience with	: sự nổi nóng với
- impression of	: ấn tượng về
- impression on	: ấn tượng trên
- incentive to	: sự kích thích cho
- favourite of	: cái ưa thích của
- feature of	: đặc điểm của
- feeling about/towards	: tình cảm đối với
- fight against/with	: chiến đấu chống lại

- fine for	: sự xử phạt về
- graduate in	: người tốt nghiệp về
- grief about/for/over	: nỗi buồn về
- ground for	: lý do vì
- guarantee for	: sự bảo đảm cho
- guess at	: sự ước đoán
- habit of doing Sth	: có thói quen làm gì
- heir to	: người thừa kế cho

II.

- to be experienced in S.T	: có kinh nghiệm về việc gì
- to be expressive of	: diễn đạt, biểu lộ
- to be false to S.O	: giả dối với ai
- to be fatal to S.O	: nguy hiểm đến tính mạng ai
- to be favourable for doing S.T	: thuận lợi để làm điều gì
- to attend to	: chú ý tới
- to object to S.T	: phản đối điều gì
- to plan on doing S.T	: dự định làm điều gì
- to thank S.O for doing S.T	: cảm ơn ai vì đã làm điều gì
- to supply S.O with S.T	: cung cấp cho ai cái gì
- to look on with S.O	: xem nhờ ai
- to go in for	: chơi, ham mê
- to be under age	: dưới tuổi thành niên
- to do S.T under orders	: làm điều gì theo mệnh lệnh
- according to	: theo
- to come to the point	: vào thẳng vấn đề
- to get used to S.T	: quen với điều gì
- on land, on sea, in the air	: trên bộ, trên biển, trên không
- on the left bank	: trên bờ bên trái, on a river: trên sông
- in good health	: sức khỏe tốt; in need of: đang cần

- on the wing	: đang tung cánh, đang bay
- to be on the committee	: là thành viên của uỷ ban
- to go through	: kiểm soát, xem xét
- through the holidays	: suốt các ngày nghỉ
- to hold S.T to the fire	: hơ cái gì vào lửa

III.

- in flight	: đang bay, đường bay
- in flower	: nở hoa
- in force	: có hiệu lực
- in (good) form	: trạng thái tốt
- ingeneral	: nhìn chung, nói chung
- in hand	: được chú ý đến
- in (great) haste	: vội vã
- in [good] health	: sức khoẻ tốt
- in hiding	: đang trốn tránh
- in a hurry	: vội vàng

PRACTICE TEST 13

I. Complete the sentences using the words in the box.

for over of between with in on after

1. There is always a struggle.....good and bad in ourself.
2. Is there a substitute.....the injured player.
3. He proved his superiority.....everyone else.
4. This statue is a symbol.....liberty.
5. He showed sympathy.....beggars.
6. All the employees have expressed their sympathy.....your action.
7. She has a talent.....drawing.
8. The film is the target.....criticism.
9. The cook has a taste.....good food.
10. She has a taste.....clothes.
11. The soup has the taste.....fish.
12. They imposed taxes.....tobacco.
13. He has a thirst.....knowledge.
14. I have a ticket.....a concert tonight.
15. I like a touch.....sauce on my food.
16. The trouble.....you is that you are lazy.
17. He put his trust.....God.
18. The poor man is on the verge.....despair.
19. He has a zeal.....studying.
20. He has a zest.....English.

II. Choose the best answer.

1. You should always do your best to get along.....other people.
a. about b. with c. into d. to
2. The explorers were indifferent.....the dangers and discomforts of the expedition.
a. from b. with c. into d. to
3. I certainly hope that David is aware.....all the problems involved.
a. for b. of c. with d. to
4. My friend, Howard, is very enthusiastic.....his new equipment.
a. about b. to c. with d. for
5. You should try to be consider at.....to her people's feelings.
a. to b. for c. of d. with
6. I'm conscious.....their feelongs, but I'm afraid.....offending them.
a. with-of b. to-of c. for-to d. of-of
7. Mr. Anderson is responsible.....hiring and firing employees.
a. for b. with c. by d. for
8. At present, my daily expenses are just about equal.....my income.
a. to b. with c. by d. for
9. Fred is capable.....doing better work than he's doing at present.
a. to b. with c. of d. for
10. Are you positive.....that? I find it extremely difficult to believe.
a. with b. about c. for d. to
11. The students are very anxious.....the results of the examination.
a. to b. with c. about d. for
12. Tom was proud.....his good marks on the English examination.
a. to b. of c. for d. with

13. If this plan is satisfactory.....you. I'll present it to the committee.
a to b. of c. for d. with
14. We're still hopeful.....hearing from our friends before Saturday.
a of b. to c. with d in
15. After next week, I'll be completely free.....all my worries!
a to b. with c. for d. from
16. That fashion magazine is full.....advertising for women's clothes.
a by b. with c. for d of
17. George is still very loyal.....his friends despite their argument.
a with b. to c. for d by
18. That man's personality makes him unfit.....any higher position.
a with b. to c. about d for
19. Thin gloves like these aren't very suitable.....that kind of work.
a with b. by c. for d towards
20. The comments Arthur's friends made were not pleasinghim
a at b. to c. with d for
21. John was so tired.....hard work that he could hardly move.
a from b. with c. of d in
22. The clerk said she was tired.....hearing complaints day after day.
a with b. of c. about d for
23. Our conference was interrupted.....telephone calls several times.
a for b. with c. of d by
24. My English teacher said he was quite satisfied.....my classwork.
a for b. with c. to d in
25. A large amount of money was stolen.....the bank during the night.
a from b. to c. out of d into

III.

In protest [again] (as a protest)-The committee has resigned in protest against the government's action.

In public (publicly)-I am not accustomed to speaking in public.

In pursuit of (pursuing) - The police car drove off in pursuit of the lorry.

In question (one talked about)-The lady in question is my sister.

In readiness for (in preparation for)-He is training in readiness for the championship.

In reality (really)-She pretends to like it, but in reality she hates it.

In relation to (in connection with)-You must see the problem in relation to the situation.

In [good] repair (in good condition)-Our house is now in good repair.

In reserve (aside)-We are keeping some money in reserve for unexpected expenses.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. The Council is.....a subsidy from the Government.
2. His wife keeps his clothes.....
3. She loves appearing.....surrounded by admirers.
4. He looks French but.....he's English.
5. The general kept some troops.....for a surprise attack.
6. The men are on strike.....the Government's scheme.
7. He ran off.....the postman.
8. I am preparing a statement.....the meeting.
9. The article.....was written by me.
- 10.....the general situation, our prospects are good.

LEARN

I.

- | | |
|--------------------|---------------------|
| - struggle between | : sự đấu tranh giữa |
| - substitute for | : sự thay thế cho |
| - superiority over | : sự vượt trội hơn |

- symbol of	: biểu tượng của
- sympathy for	: sự thương hại đối với
- sympathy with	: sự thông cảm đối với
- talent for	: tài năng về
- target for	: mục tiêu cho
- taste for	: sở thích về
- taste in	: sành sỏi về
- taste of	: có mùi của
- tax on	: thuế trên
- thirst for/after	: sự khát khao về
- ticket for	: vé cho
- touch of	: một ít của
- trouble with	: khó khăn cho
- trust in	: sự tin tưởng vào
- verge of	: bờ mép của
- zeal for	: sự nhiệt tình
- zest for	: sự say mê đối với

II.

- to get along with S.O	: hoà thuận với ai
- to be indifferent to	: thờ ơ, không quan tâm đến
- to be aware of	: biết, nhận biết
- to be enthusiastic about	: hăng hái, say mê
- to be considerate of	: ân cần, chú ý tới
- to be conscious of	: có ý thức về; to be afraid of : sợ sệt.
- to be responsible for	: chịu trách nhiệm về
- to be equal to	: ngang, bằng
- to be capable of doing S.T	: có khả năng làm việc gì
- to be positive about S.T	: quả quyết về điều gì
- to be anxious about S.T	: nôn nóng, lo lắng về điều gì

- to be proud of	: <i>hãnh diện về</i>
- to be satisfactory to S.O	: <i>thỏa mãn đối với ai, làm ai hài lòng.</i>
- to be hopeful of	: <i>hy vọng về</i>
- to be free from	: <i>thoát khỏi</i>
- to be full of	: <i>đầy, tràn ngập</i>
- to be loyal to S.O	: <i>trung thành với ai</i>
- to be suitable for	: <i>không thích hợp với</i>
- to be unfit for	: <i>thích hợp với</i>
- to be pleasing to S.O	: <i>làm ai vừa ý, làm ai dễ chịu</i>
- to be tired from	: <i>mệt nhọc vì</i>
- to be tired of	: <i>chán ngấy vì</i>
- to be interrupted by	: <i>làm gián đoạn vì</i>
- to be satisfied with	: <i>thỏa mãn với, hài lòng với</i>
- to be stolen from	: <i>bị trộm</i>

III.

- in protest (against)	: <i>kháng nghị</i>
- in public	: <i>chỗ công cộng</i>
- in pursuit of	: <i>đuổi theo</i>
- in question	: <i>đang được đề cập</i>
- in readiness for	: <i>đã được chuẩn bị</i>
- in reality	: <i>thực ra</i>
- in receipt of	: <i>đã nhận được</i>
- in relation to	: <i>liên quan đến</i>
- in (good) repair	: <i>tình trạng (tốt)</i>
- in reserve	: <i>dự trữ</i>

PRACTICE TEST 14

I. Complete the sentences using the words in the box.

from for upon to in on of against with over at

1. He wrote a satire.....that hypocrite.
2. Mr. Green received great satisfaction.....the news of his son's success.
3. The police conducted a search.....the missing climbers.
4. This machine has given good service.....us.
5. He bought shame.....his family.
6. Many people had a share.....the business.
7. He had his share.....hard work.
8. We took a shelter.....the rain by standing in the veranda.
9. Her clothes were a sign.....her good taste.
10. Robin Hood showed great skills.....archery.
11. There was a smell.....petrol.
12. There was no solution.....our problem.
13. They expressed their sorrow.....her accident.
14. They expressed their sorrow.....that dead child.
15. He is specialist.....mathematics.
16. This is a specimenhis handwriting.
17. The student entered into the spirit.....the game.
18. There is a stain.....the tablecloth.
19. They are on strike.....higher wages.
20. We conducted a struggle.....the French colonialists.

II. Choose the best answer.

1. A good basic knowledge of English is essential.....advanced work.
a. with b. for c. towards d. by
2. My friend and I were very happy.....the result of the election.
a. with b. to c. about d. for
3. It was certainly kind.....you to help me with that difficult work.
a. with b. of c. for d. by
4. You were very kind.....me when I asked you for some help.
a. with b. to c. of d. for
5. I wish Carl would take a vacation. It would be good.....his health.
a. of b. with c. for d. by
6. Professor More is always very patient.....his English students.
a. with b. to c. about d. for
7. Bill should submit an application. He's eligiblemembership.
a. to b. for c. with d. by
8. In my opinion, traveling by air is preferable.....traveling by train.
a. to b. with c. into d. for
9. The salesman said that overcoat was identical.....the other one.
a. with b. for c. about d. to
10. Do you think his dress is appropriate.....that kind of occasion?
a. with b. for c. about d. to
11. It was thoughtful.....Martha to send you a gift on your birthday.
a. to b. of c. by d. with
12. Fred said the weather was perfect.....taking color photographs.
a. to b. with c. by d. for

3. You should try to be more tolerant.....other people's opinions.
a. to b. with c. by d. of
4. Our foreman, Mr. Howell, is always every critical.....our work.
a. of b. to c. with d. about
5. Dogs are usually very faithful.....their masters if treated properly.
a. with b. to c. in d. for
6. You'll find that his tool is very useful.....many different things.
a. for b. with c. by d. of
7. That new product will be available.....the public late next year.
a. for b. by c. to d. with
8. Now she is engaged.....decorating their new house in North Plains.
a. with b. in c. for d. into
9. I certainly hope Arthur is prepared.....a great deal of criticism.
a. by b. for c. to d. with
20. Arthur is quite accustomed.....receiving criticism.
a. to b. with c. about d. for
21. That fellow violated the rules, but he apparently got away.....it.
a. to b. with c. about d. for
22. The boy was fascinated.....all the toys in the big department store.
a. by b. to c. with d. for
23. The orphan child was hungry.....affection.
a. for b. to c. with d. of
24. He was ignorant.....the fact.
a. for b. with c. to d. of
25. I am greatly indebted.....you for your kindness.
a. with b. for c. to d. about

III.

In safe keeping (safe)-The money is in safe keeping; it's in the bank.

In kind (not in money)-In primitive societies, payments are usually made in kind.

In the lead (leading)-The favourite is in the lead.

In leaf (producing leaves)-The trees are in leaf.

In league with (working with.....usually in crime or plot)- They are in league with your enemies.

In the least (at all)- I am not in the least interested.

In line (one beside the other)-Stand in line.

In love (with) - He married the girl he was in love with.

In luck (lucky) - You are in luck - you've won the first prize.

In the main (principally)-The book deals in the main with politics.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. I have no money-can I pay you.....?
2. In spite of the cold, the elms are.....
3. He is not.....convinced by your arguments.
4. Which horse is that.....?
5. All cars must be parked.....
6. It's the story of a young couple.....
7. Don't worry, the documents are.....
8. The opposition is.....the rebels.
9. The results are.....good.
10. We're.....; they haven't seen us.

LEARN

I.

- | | |
|---------------------|-------------------------|
| - satire upon | : bài / sự châm biếm về |
| - satisfaction from | : sự hài lòng từ |
| - search for | : sự tìm kiếm |
| - service to | : sự phục vụ cho |

shame on	: <i>sự tởm hổ cho</i>
share in	: <i>cổ phần trong</i>
share of	: <i>sự chia sẻ</i>
shelter from	: <i>sự trú ẩn khỏi</i>
sign of	: <i>dấu vết của</i>
skill at/in	: <i>sự khéo léo về</i>
smell of	: <i>mùi của</i>
solution to	: <i>giải pháp cho</i>
sorrow at/for/over	: <i>nỗi buồn về</i>
sorrow over S.o	: <i>nỗi buồn đối với</i>
Specialist in	: <i>chuyên gia về</i>
specimen of	: <i>mẫu của</i>
spirit of	: <i>tinh thần của</i>
stain on	: <i>vết bẩn</i>
strife for	: <i>cuộc đing công giành</i>
struggle against/with	: <i>đấu tranh với</i>

II.

to be essential for	: <i>cần thiết cho</i>
to be happy about	: <i>vui vẻ vì, hạnh phúc vì</i>
It was kind of you	: <i>bạn thật tử tế</i>
to be kind to S.O	: <i>tử tế với ai</i>
to be good for one's health	: <i>tốt cho sức khỏe của ai</i>
to be patient with S.O	: <i> kiên nhẫn với ai</i>
to be eligible for	: <i>đủ điều kiện, đủ tiêu chuẩn</i>
to be preferable to	: <i>thích hơn</i>
to be identical to	: <i>giống, giống nhau</i>
to be appropriate for	: <i>thích hợp cho</i>
It's thoughtful of you	: <i>bạn thật ân cần, chu đáo</i>
to be perfect for doing S.T	: <i>tuyệt hảo để làm việc gì</i>
to be tolerant of	: <i>nhân nhượng, nhượng bộ</i>

- to be critical of	: <i>hay phê bình, hay chỉ trích về</i>
- to be faithful to	: <i>trung thành với</i>
- to be available to	: <i>hữu ích</i>
- to be engaged in doing S.T	: <i>có sẵn, sẵn sàng</i>
- to be prepared for	: <i>bận bịu làm điều gì</i>
- to be accustomed to	: <i>sẵn sàng, chuẩn bị</i>
- to get away with S.T	: <i>quen với</i>
- to be fascinated by S.T	: <i>tránh khỏi bị khiển trách vì điều gì</i>
- to be fascinated by S.T	: <i>say mê cái gì</i>
- to be hungry for S.T	: <i>thèm khát điều gì</i>
- to be ignorant of S.T	: <i>không biết điều gì</i>
- to be indebted to S.O	: <i>mang ơn ai, mắc nợ ai.</i>

III.

- in safe keeping	: <i>được cất an toàn</i>
- in kind	: <i>lòng tốt</i>
- in the lead	: <i>chủ đạo, chính</i>
- in leaf	: <i>ra lá</i>
- in league with	: <i>đồng minh</i>
- in the least	: <i>hoàn toàn không</i>
- in line	: <i>xếp hàng</i>
- in love	: <i>yêu</i>
- in luck	: <i>may mắn</i>
- in the main	: <i>phần lớn, nói chung</i>

PRACTICE TEST 15

I.

to break down - to stop working, to collapse
to break into - to begin, to enter by breaking
to break off - to terminate, to stop
to break out - to appear suddenly
to break up - to disperse

In the following exercises complete each sentence with a word or phrase chosen from the list at the beginning of each exercise.

1. My car's always breaking.....
2. The prisoner broke.....under questioning.
3. As he left the house, he broke.....song.
4. Burglars broke.....our house last night.
5. The two countries have broken.....relations.
6. He broke.....to drink a sip of water.
7. An epidemic of typhoid has broken.....
8. A rebellion has broken.....in the North.
9. The police broke.....the demonstration.
10. The party broke.....into a number of small groups.

II. Choose the best answer.

1. She always wishes.....everyone to be happy.
a. for b. to c. with d. at
2. I don't care.....whether he approves or disapproves.
a. for b. about c. with d. in
3. He spends a lot of money.....cigarettes.
a. on b. in c. into d. about

4. It seems that I have little imagination when it comes
doing my hair.
a. about b. to c. against d. by
5. I accused him.....stealing my scooter.
a. of b. for c. with d. about
6. Excuse me.....interrupting you.
a. in b. for c. by d. at
7. I'll never forget him.....that.
a. about b. in c. for d. with
8. Don't waste your time.....useless things.
a. on b. in c. with d. into
9. Soldiers protect us.....the enemy.
a. about b. against c. of d. with
10. Compare your work.....Henry's.
a. about b. against c. of d. with
11. Add this.....what you've already had.
a. to b. into c. with d. from
12. She reminds me.....my mother.
a. to b. of c. with d. by
13. He lives.....5 miles of London.
a. in b. within c. into d. for
14. He has been.....that firm.....along time now.
a. to - for b. in - in c. with - for d. in - with
15. Compare this machine.....that and you will see the
difference.
a. for b. with c. in d. into
16. The box of eggs was marked ".....care"
a. for b. through c. with d. without
17. Shout if you want me: I shall be.....hearing.
a. in b. within c. of d. no preposition needed
18. I shall be back again.....a year.
a. for b. during c. within d. to
19. He always goes about.....a hat on.
a. pending b. but c. without d. in

20. I've gone.....food for two days now.
a. into b. with c. without d. in
21. Of course I know you will work hard: that goes.....saying.
a. to b. with c. without d. in
22. You are always finding fault.....everything I do.
a. for b. with c. in d. to
23. Romeo was deeply in love.....Juliet.
a. for b. with c. into d. to
24. He has quarreled.....George.
a. to b. for c. with d. through
25. I'm thinking.....you at the time you are away.
a. to b. about c. with d. for

III.

In residence (residing) - The flag flies when the Queen is in residence at the Palace.

In respect of (for, as)-He receives an additional sum in respect of family allowance.

In retrospect (looking back) - In retrospect, the experience has been useful.

In return (as a repayment) - We invited them to dinner and in return they took us to the theatre.

In revenge [for] (for reasons of revenge)- He killed the leader in revenge for the death of his brother.

In reverse (backwards)-'Emit' is 'time' in reverse.

In revolt [against] (rebellious)-The Army rose in revolt against the government.

In ruins (ruined)-After the battle the city was in ruins.

In season (on sale, available)-Strawberries are in season just now.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. You help me and I will help you.....
2. The president appeared on the balcony.....the cheers of the crowd.
3. The Duke is.....at the castle.

4. How much shall we pay him.....expenses?
5. The people will rise.....such cruelty.
6. The abbey is.....
7. Fruit.....is usually cheap.
- 8.....the adventure seemed less exciting.
9. He shot the sheriff.....the death of his father.
10. Let us take the names.....

LEARN

I.

- | | |
|-----------------|---------------------|
| - to break down | : hỏng, sụp đổ |
| - to break into | : bắt đầu, đột nhập |
| - to break off | : chấm dứt |
| - to break out | : bùng nổ |
| - to break up | : phân tán |

II.

- | | |
|------------------------------|------------------------------------|
| - to wish for | : ước ao |
| - to care about | : quan tâm tới |
| - to spend money on S.T | : tiêu tiền vào việc gì |
| - It comes to doing S.T | : tới lúc làm việc gì |
| - to accuse S.O of doing S.T | : tố cáo ai làm việc gì |
| - to excuse S.O for S.T | : tha thứ cho ai vì đã làm điều gì |
| - to forget S.O for S.T | : quên ai về chuyện gì |
| - to waste time on S.T | : lãng phí thời gian vào việc gì |
| - to protect S.O from S.T | : che chở cho ai khỏi điều gì |
| - to compare with | : so sánh với |
| - to add S.T to another | : thêm một vật vào một vật khác |
| - to remind S.O of S.T | : gợi ai nhớ điều gì |
| - within | : trong phạm vi |

- to be with a firm	: làm việc cho một công ty; for a long time: trong một thời gian dài
- to compare with	: so sánh với
- with care	: hãy cẩn thận, hãy nhẹ tay
- within hearing	: trong tầm nghe
- within a year	: trong vòng một năm
- without	: không có
- to go without	: nhịn, chịu thiếu thốn
- that goes without saying	: dĩ nhiên, không cần phải nói
- to find fault with S.T	: chỉ trích điều gì
- to be in love with S.O	: yêu ai
- to quarrel with S.O	: cãi lộn với ai
- to think about S.O	: nghĩ về ai

III.

- in residence	: chỗ qui định
- in respect	: đối với
- in response	: đáp lại
- in retrospect	: sự nhìn lại phía sau
- in return	: có qua có lại
- in revenge	: trả thù
- in reverse	: ngược lại
- in revolt	: nổi loạn, chống lại
- in ruins	: bị tàn phá
- in season	: có nhiều

PRACTICE TEST 16

I.

to bring about - to produce

to bring off - to succeed

to bring out - to show

to bring round - to revive

to bring up - to refer to

to call off - to postpone

to call for - to visit

to call on - to ask

to call out - to call aloud

to call up - to telephone

In the following exercises complete each sentence with a word or phrase chosen from the list at the beginning of each exercise.

1. We'll call.....you at five o'clock.
2. A sip of brandy will bring him.....
3. We shall have to bring this matter.....at the next meeting.
4. I'll draw the numbers and you can call them.....
5. The new government has brought.....many changes.
6. The dance has been called.....
7. It will be difficult, but I think we can bring it.....
8. I now call.....Mr. Phiby to speak.
9. Please call me.....as soon as you arrive.
10. This scene clearly brings.....the difference between the two sisters.

II. Choose the best answer.

1. Everything he said was laughed.....
a. for b. about c. with d. at
2. She has a dexterity.....typing.
a. at b. on c. with d. in
3. There is a digression.....the subject in his essay.
a. out of b. from c. in d. at
4. Lazy boys have a distaste.....hard work.
a. at b. in c. for d. to
5. I have no doubt.....your capacity.
a. at b. of c. for d. in
6. Never forget your duty.....your teacher.
a. in b. to c. with d. on
7. He does not show much consideration.....his wife's wishes.
a. at b. for c. with d. to
8. My father is a contemporary.....yours
a. at b. in c. for d. of
9. We feel contempt.....such a mean person.
a. in b. into c. for d. with
10. If you keep.....trying, you'll master them.
a. up b. on c. to d. with
11. The tree trunk was sawn.....small logs.
a. in b. across c. into d. with
12. She was dressed.....white at the dance.
a. in b. with c. at d. into
13. Turn this passage from English.....Spanish.
a. into b. with c. to d. about
14. He felt.....his pocket to see if he had any money.....it.
a. in-in b. with - in c. into - into d. for - in
15. Did you go.....the rain?
a. under b. in c. below d. into
16. If there is one thing I hate, it is filling.....income tax forms.
a. in b. to c. with d. A and B are correct

17. That old man is blind,.....the left eye.
 a. with b. of c. in d. B and C are correct
18. The train arrives.....London.....6 o'clock.
 a. in-at b. at-at c. in-in d. at-in
19. I shall be ready.....five minutes.
 a. to b. at c. in d. about
20. Is there anything good on.....the cinema tonight?
 a. with b. in c. into d. at
21. This is a story basedfact.
 a. for b. on c. with d. in
22. He is arresteda charge.....theft.
 a. for - of b. on - of c. on - with d. with - in
23. What is his attitude.....the plan?
 a. under b. about c. towards d. through
24. Is that tea quite.....your taste or do you need more sugar?
 a. for b. with c. to d. about
25. Please don't lean.....that wall. There's fresh paint.....that wall!
 a. towards-to b. on-on c. on-towards d. towards - against

III.

by accident (chance, coincidence, accidentally)-The tomb was discovered by accident.

by adoption (having been adopted)- They have one daughter of their own and one by adoption.

by agreement (consent)-The two countries have abolished the use of passports by agreement.

by analogy (using analogy) - Sound waves can be explained by analogy with the waves caused by a stone thrown into a pond.

by appointment (an appointment having been made)-Dr. Smith sees patients only by appointment.

by arrangement (an arrangement having been made) - We met by arrangement.

by auction (in a public sale) - This house is to be sold by auction.

by *ballot* (by voting) - The members are elected by ballot.
 by *birth* (born) - He is an aristocrat by birth.
 by *cable* (sending a cable) - I will let you know the result by cable.
 by *cheque* (using cheques) - He pays all his bills by cheque.
 by *choice* (choosing)- I did it by choice, not out of obligation.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. He is a Scot.....but has lived most of his life in London.
2. The contents of the house will not be sold privately, but
3. The president is very busy; you can see him only.....
4. We discovered the way.....
5. He is an Englishman by birth but an Italian.....
6. The Chairman is not appointed, but elected.....
7. The edition is published.....with the original publishers.
8. If the situation is critical, inform me.....
9. A new frontier was established.....between the two countries.
10. Some human reactions can be explained.....with the actions of animals.

LEARN

I.

- to bring about	: đem lại
- to bring off	: thành công
- to bring out	: cho thấy
- to bring round	: làm hồi tỉnh
- to bring up	: đề cập
- to call off	: hoãn lại
- to call for	: đến thăm
- to call on	: yêu cầu
- to call out	: gọi / hô lớn
- to call up	: gọi điện thoại

II.

- to laugh at	: <i>cười chế nhạo</i>
- to have a dexterity in doing S.T	: <i>khéo làm việc gì</i>
- a digression from a subject	: <i>sự đi xa chủ đề</i>
- a distaste for S.T	: <i>sự không thích về điều gì</i>
- doubt of (about) S.T	: <i>sự hồ nghi về điều gì</i>
- duty to S.O	: <i>phận sự, bổn phận đối với ai</i>
- consideration for	: <i>sự để ý đến, sự cân nhắc đến</i>
- a contemporary of a person	: <i>kẻ đồng thời, kẻ cùng một thời với một người</i>
- to be contempt for S.O	: <i>khinh miệt ai</i>
- to keep on doing S.T	: <i>tiếp tục làm điều gì</i>
- to be sawn into small logs	: <i>cưa thành những khúc nhỏ</i>
- to be dressed in white	: <i>mặc đồ trắng, mặc quần áo trắng</i>
- to turn	: <i>đổi sang, đổi thành</i>
- in	: <i>trong</i>
- to go in the rain	: <i>đi mưa, đi trong mưa</i>
- to fill in a form	: <i>điền vào một mẫu đơn</i>
- to be blind in (of) the left eye	: <i>mù mắt trái</i>
- to arrive in	: <i>đến (một thành phố, một đất nước)</i>
- in five minutes	: <i>năm phút nữa</i>
- at the cinema	: <i>ở rạp hát</i>
- based on fact	: <i>dựa trên sự thật</i>
- a charge of a crime	: <i>sự buộc tội, sự tố cáo một tội ác</i>
- attitude towards S.T	: <i>thái độ đối với điều gì</i>
- to be to one's taste	: <i>hợp khẩu vị của ai</i>
- to lean on	: <i>tựa lên, dựa lên</i>

III.

by accident	: <i>tình cờ</i>
by adoption	: <i>bằng cách nhận làm con nuôi</i>
by agreement	: <i>thoả thuận, đồng ý</i>
by analogy	: <i>tương đồng, giống</i>
by appointment	: <i>bằng cuộc hẹn</i>
by arrangement	: <i>bằng cách thu xếp, sắp đặt, sắp xếp</i>
by auction	: <i>bằng cách bán đấu giá</i>
by ballot	: <i>bằng cách bỏ phiếu</i>
by birth	: <i>bẩm sinh, từ lúc sinh ra</i>
by cable	: <i>bằng điện tín</i>
by cheque	: <i>bằng ngân phiếu</i>
by choice	: <i>tự chọn</i>

PRACTICE TEST 17

I.

to carry away - to take beyond reasonable limits

to carry off - to win

to carry on - to continue

to carry out - to complete

to fill in - to complete

to fill out - to grow fatter

to fill up - to fill full

In the following exercises complete each sentence with a word or phrase chosen from the list at the beginning of each exercise.

1. Please fill.....these details.
2. He didn't look up, but carried.....working.
3. Fill.....the tank, please.
4. You will need support to carry.....such a programme.
5. Don't let your enthusiasm carry you.....
6. They have carried.....four first prizes.
7. I'll find you a good builder to carry.....the work.
8. She used to be thin, but she's filled.....a lot.
9. Fill.....with Speedol.
10. I want these orders carried.....

II. Choose the best answer.

1. I'm going.....America.....Friday.
a. in - on b. to - in c. to - on d. in - at
2. You have never been.....love or you wouldn't speak like that.
a. on b. in c. with d. into

3. We are.....sight of land now and will soon be.....port.
a. at - at b. on - on c. in - in d. on - in
4. You are.....bad temper this morning aren't you?
a. on b. at c. in d. for
5.my way home. I generally meet a lot of adults who are going to work.
a. in b. on c. through d. for
6. I thought I would sell my car but.....second thoughts I changed my mind, and.....the whole I think I was wise.
a. in - in b. on - on c. on - in d. in - on
7. What are your ideas.....the subject?
a. in b. on c. at d. to
8. They are here.....holiday but I'm here.....business.
a. in - in b. for - for c. on - on d. all are correct
9. The house isfire.
a. in b. on c. into d. at
10. I think it was set.....fire.....purpose.
a. on - in b. in - in c. on - on d. in - on
11.case of fire, ring up Watford 999.
a. on b. in c. with d. for
12. All.....all, we had a wonderful time during our vacation.
a. to b. in c. by d. of
13. The elevator isn't running now. It must be.....order.
a. against b. out of c. out d. in
14.course, Ed has herd the news.....fact, he told me about it.
a. of - By b. in - in c. of - in d. in - as a matter of
15. That suggests.....me that you were careless.
a. to b. with c. about d. for
16. She pinned the failure.....him.
a. on b. with c. to d. against
17. He earns his living.....selling vegetables.
a. through b. by c. thanks to d. due to

18. That company has 5.000 men working.....it.
a. with b. into c. to d. for
19. It's time.....our lesson to start.
a. with b. for c. in d. of
20. I took her.....the hand.
a. with b. into c. to d. by
21. Did you come.....land,.....sea or.....air?
a. on-on-by b. by-by-in c. by-by-by d. on-on-on
22. Mr. Brown lives in the next house.....one to us.
a. except b. but c. in d. with
23. If you put those books side.....side you will see which is the bigger.
a. in b. to c. with d. by
24. They boy fell.....the stairs and broke his arm.
a. into b. to c. down d. up
25. I know him.....sight but not to speak to.
a. at b. in c. by d. on

III.

by invitation - Admission is by invitation.

by jury (using a jury) - Trial by jury was introduced in the 14th century.

by land (across land) - Shall we send your luggage by sea or by land?

by law (according to the law) - All the exits must be kept open by law.

by luck (accidentally)-He succeeded more by luck than by design.

by a large majority (by a considerable number)-The government won the elections by a large majority.

by marriage (not by birth)-She is French by marriage.

by a miracle (luckily)-Disaster was avoided by a miracle.

by mistake (in error) - The letter was sent to you by mistake.

by name (referring to names)-He knows them all by name.

by hand (not by machine) -All our shoes are made by hand.

by heart (completely)-I know the list by heart.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. Murder cases are always tried.....
2. Although not born in England she is English.....
3. I opened this parcel for you.....
4. He referred to me....., not by number.
5. They were saved from death.....
6. He was elected to Parliament.....
7. We attended the meeting.....
8. The machinery can be shipped or sent.....
9. She hit upon the answer.....
10. All cinemas must have large exits.....
11. I like pottery made.....
12. He learned all their names.....

LEARN

I.

- | | |
|-----------------|-------------------------------------|
| - to carry away | : đưa (ai) đi quá xa (mức giới hạn) |
| - to carry off | : thắng cuộc |
| - to carry on | : tiếp tục |
| - to carry out | : hoàn tất |
| - to fill in | : hoàn chỉnh |
| - to fill out | : nộp ra, phát phi |
| - to fill up | : điền, đổ đầy |
| | : |

II.

- | | |
|-----------------------|---|
| - to a place | : đến một nơi nào; On Friday: vào hôm thứ sáu |
| - to be in love | : yêu, đang yêu |
| - to be in sight | : trông thấy, trong tầm mắt
có thể nhìn thấy được, to be in port: vào cảng |
| - to be in bad temper | : cáu kỉnh |
| - on one's way home | : trên đường về nhà |
| - on second thoughts | : sau khi suy nghĩ lại; on the whole: nói chung |

- an idea on a subject	: ý kiến về một vấn đề
- to be on holiday	: đi nghỉ lễ; to be on business: đi làm ăn
- to be on fire	: đang cháy
- to set on fire	: đốt cháy; On purpose: cố tình, có chủ tâm
- in case of	: trong trường hợp
- all in all	: tóm lại
- to be out of order	: hư, không hoạt động
- of course	: dĩ nhiên; In fact: thực ra
- to suggest to S.O	: gợi ý ai, cho ai biết là
- to pin the failure on S.O	: đổ thừa thất bại là do ai
- to earn one's living by doing S.T	: làm gì đó để kiếm sống
- to work for a company	: làm việc cho một công ty
- for	: để, để cho
- to take S.O by the hand	: nắm tay ai
- by land, by sea, by air	: bằng đường bộ, bằng đường thủy, bằng đường hàng không
- in the next house but one to S.O	: cách nhà ai một căn
- side by side	: cạnh nhau, bên cạnh nhau
- to fall down the stairs	: té cầu thang
- to know S.O by sight	: biết mặt ai

III.

- by invitation	: bằng lời mời
- by jury	: bằng đoàn thẩm phán
- by land	: bằng đường bộ
- by law	: theo luật
- by luck	: nhờ may mắn
- by a large majority	: bằng đa số
- by marriage	: do hôn nhân, kết hôn, không bẩm sinh
- by a miracle	: một cách may mắn như phép lạ
- by mistake	: lầm lẫn
- by name	: bằng tên, qua tên
- by hand	: bằng tay
- by heart	: học thuộc lòng

PRACTICE TEST 18

I.

to come about - to happen

to come across - to meet

to come into - to inherit

to come off - to succeed

to come on - to progress

to come out - to appear, to open

to come over - to become

to come to - (indicates gradual action)

to come up - to appear

In the following exercises complete each sentence with a word or phrase chosen from the list at the beginning of each exercise.

1. He has just come.....a fortune.
2. Why has she suddenly come.....shy?
3. The joke didn't quite come.....
4. I've come.....admire him immensely.
5. He wasn't very good, but he has come.....
6. A new magazine has just come.....
7. All my seeds have come.....
8. It's one of the best collections I've come.....
9. These flowers only come.....at night.
10. How did this situation come.....?

II. Choose the best answer.

1. I think it's easy to confuse these two expressions.....the other one.
a. to b. for c. with d. from
2. I don't know why John insists on blaming me.....all his troubles.
a. about b. for c. against d. with
3. I'm going to apply.....a scholarship here.
a. for b. with c. to d. into
4. She will profit.....her work in this class.
a. from b. by c. with d. about
5. You'd better warn your friend.....that soon.
a. with b. to c. about d. against
6. You can inquire.....that in the front office.
a. about b. in c. with d. into
7. Can you account.....all the money you've spent since you arrived?
a. of b. with c. for d. on
8. I think that we'll have to eliminate some names.....those lists.
a. from b. out of c. to d. into
9. He often goes.....long walks.....himself.
a. to-by b. to - with c. for - by d. for - with
10. The tears ran.....her face.
a. to b. into c. down d. in
11. The train is late, it ought to have been in.....now.
a. for b. about c. by d. no preposition needed
12. We have lessons every day.....Saturday and Sunday.
a. on b. except c. in d. a and c are correct
13. Multiply the amount.....ten and then divide.....three.
a. by-by b. into - into c. to - to d. with - with

14. This was sold.....2 dollars a pound, but that was really a loss, not.....a profit.
 a. for-for-for b. ~~with-with-~~
with c. at-at-at d. by-by-by
15. He is always.....his best when fighting.....difficulties.
 a. in-against b. at - to c. at-against d. in with
16. His accusations are.....notice.
 a. for b. below c. after d. beneath
17. He lives in a small house, about four miles.....Oxford.
 a. after b. beyond c. in back of d. of
18. The explanation you give is quite.....me.
 a. beyond b. off c. for d. after
19. That star is invisible.....the naked eyes.
 a. for b. to c. in d. with
20. That writer s well -know.....high school students.
 a. with b. to c. for d. in
21. She is clever.....music.
 a. at b. with c. in d. to
22. He is angry.....losing his wallet.
 a. about b. with c. at d. for
23. He did it.....the motive of kindness.
 a. for b. to c. from d. with
24. You'd better demand an answer.....that fellow as soon as possible.
 a. from b. by c. with d. about
25. He said he planned to devote a great deal of time.....the project.
 a. into b. for c. about d. to

III.

by nature (naturally)-He is timid by nature.

by origin (originally)-The song is Greek by origin.

by post (sent through the mail)-She does a lot of shopping by post.

by profession - His brother is a doctor by profession.

by request (in answer to a request)-Byes stop here by request.
by right(s) (rightfully)-The land is mine by right.
by rote (by repetition) - They learn arithmetic by rote.
by touch (feeling)-I found my way by touch.
by vote (by election)-The chairman is elected by vote.
by the way (incidentally)-By the way, I saw your sister just now.
by ear (without being able to read music)-He plays the piano by ear.
by example (using example) - He teaches by example, rather, than by precept.

Complete sentence with one of the above expressions.

- 1.Their father is a lawyer.....
2. The band is playing that tune.....
- 3....., you might send me one.
4. Send these invitations.....
5. In most countries grammar is taught.....
6. We will choose a committee.....
7. His family is Russian.....
8. A fox is cunning.....
9. This land belongs to the village.....
10. She is learning to type.....
11. Not many people play the piano well.....
12. Children learn a lot.....

LEARN

I.

- | | |
|------------------|--------------------------|
| - to come about | : xảy ra |
| - to come across | : gặp |
| - to come into | : thừa kế |
| - to come off | : thành công |
| - to come on | : tiến bộ |
| - to come out | : xuất hiện, khai trương |

- to come over : trở nên
- to come to : dần dần
- to come up : nhú lên, xuất hiện

II.

- to confuse one thing with another : lẫn lộn điều này với điều khác
- to blame S.O for S.T : trách mắng ai điều gì
- to apply for : xin, nộp đơn xin
- to profit from S.T : được lợi từ việc gì
- to warn S.O about S.T : cảnh cáo ai về điều gì
- to inquire about S.T : hỏi thăm, hỏi han, đòi hỏi điều gì
- to account for : giải thích
- to eliminate a name from a list : xóa tên khỏi một danh sách
- to go for a walk : đi bộ; by oneself: một mình
- to run down : chảy xuống, chạy xuống
- by now : vào lúc này
- except : ngoại trừ
- to multiply by : nhân cho; to divide by: chia cho
- at : với giá
- at a loss : lố lã
- at a profit : lời, có lời
- at one's best : làm hết sức mình
- to fight against : chống lại
- to be beneath notice : nên được bỏ qua
- beyond : quá, qua khỏi, cách
- beyond S.O : ngoài sự hiểu biết của ai
- to be invisible to the naked eyes : không thể thấy được bằng mắt thường

- to be well - known to S.O : nổi tiếng đối với ai
- to be clever at S.T : giỏi về điều gì
- to be angry at doing S.T : giận dữ vì đã làm gì
- from the motive of kindness : phải xuất phát từ lòng tốt
- to demand S.T from S.O : yêu cầu ai điều gì
- to devote time to S.T : bỏ qua thời gian vào việc gì

III.

- by nature : bản tính
- by origin : bắt nguồn
- by post : gửi thư điện tử
- by profession : về nghề nghiệp
- by request : theo yêu cầu
- by right (s) :
- by rote : bằng cách lập lại một cách máy móc, học vẹt
- by touch : bằng cách dò dẫm, sờ soạng
- by vote : bằng cách bỏ phiếu
- by the way : à này, nhân tiện
- by ear : bằng tai
- by example : bằng ví dụ

PRACTICE TEST 19

I.

to do away with - to abolish

to do for - to serve as

to be done for - to be finished

to do over - to do again

to do up - to decorate

to do with - to need, (to anticipate with pleasure)

In the following exercises complete each sentence with a word or phrase chosen from the list at the beginning of each exercise.

1. This battery is done.....
2. This room has recently been done.....
3. I could do.....a drink.
4. This will do.....a door until we get a proper one.
5. This work will have to be done.....
6. Let us do.....those regulations.
7. You'll have to buy a new hat, this one is done.....
8. This condition has now been done.....
9. If I take the flat, will you do it.....
10. His hair could do.....cutting.

II. Choose the best answer.

1. He estimated the crowd.....10.000.
a. for b. at c. about d. with
2. Don't judge people.....their appearances.
a. at b. by c. with d. in

3. He wouldn't say anything.....hurting me.
a. because of b. for fear of c. due to d. on account of
4. Your argument is.....the point.
a. in b. out c. into d. beside
5. I object.....going to the movies on weekdays.
a. with b. to c. in d. into
6. She is accustomed.....getting up early.
a. with b. by c. for d. to
7. We are used.....working long hours.
a. to b. for c. with d. at
8. My daughter depends.....me.
a. in b. on c. out of d. into
9. Don't worry.....the result of your examination.
a. about b. at c. in d. with
10. Everyone was hoping.....a fine day.
a. at b. for c. to d. by
11. I was longing.....him to invite me to the party.
a. for b. at c. to d. with
12. You can rely.....that person.
a. into b. on c. at d. in
13. You can count.....her coming.
a. in b. on c. at d. into
14. I believed.....what he said.
a. on b. in c. with d. into
15. She failed.....her last examination.
a. in b. at c. on d. against
16. He has decided.....his career.
a. into b. against c. at d. upon
17. He consented.....the proposal.
a. at b. about c. with d. to
18. I shall arrange..... a taxi to meet you at the station.
a. with b. for c. in d. into

19. We have fixed.....the meeting to be held on Saturday.
a. at b. for c. about d. in
20. I ran.....my friend yesterday.
a. for b. against c. towards d. across
21. No matter what we discuss, he knows allit
a. to b. about c. for d. in
22. He was.....George in the examination list.
a. on b. above c. over d. up
23. My house is just.....the street.
a. beside b. next to c. on d. in
24. I'd prefer not to play golf today. I really don't feel up.....it.
a. for b. with c. to d. in
25. You should try to keep up.....the other students in your class.
a. to b. with c. for d. about

III.

on pain of (otherwise incurring the danger of) - In those days people concealed their beliefs on pain of death.

on parade (parading)-You will all appear on parade at 8 o'clock.

on patrol (patrolling)-The men are on patrol in the jungle.

on pension (receiving a pension) - He will soon be retiring on pension.

on the pretext of (pretending)-She left the room on the pretext of feeling faint.

on principle (because of principles)- I disagree with his ideas on principle.

on probation (suspended sentence under supervision) - Young offenders can be released on probation.

on promotion (having been promoted)-On promotion, my brother has gone to Glasgow.

on receipt (at the time of receiving) - On receipt of your letter, I made immediate enquiries.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. Employees of the company retire.....at 60.
2. Everybody has three weeks' holiday.....full.....
3.he hopes to move to London.
4. I object to the whole idea.....
5. Habitual criminals are never released.....
6. I will take action.....of a telegram from you.
7. You will vote for the other side.....expulsion from the party.
8. He bent down.....doing up his shoelaces.
9. Soldiers.....must be smartly dressed.
10. Policemen.....are now accompanied by dogs.

LEARN

I.

- | | |
|-------------------|------------------------|
| - to do away with | : bãi bỏ, thủ tiêu |
| - to do for | : làm, làm thay |
| - to be done for | : xong (việc, vai trò) |
| - to do over | : làm lại |
| - to do up | : trang hoàng |
| - to do with | : lấy làm thoả mãn với |

II.

- | | |
|----------------------------------|------------------------------|
| - to estimate S.T at | : ước lượng |
| - to judge S.O by his appearance | : xét người nào qua bề ngoài |
| - for fear of | : sợ, sợ rằng |
| - to be beside the point | : ngoài đề, lạc đề |
| - to object to | : phản đối |
| - to be accustomed to doing S.T | : quen làm việc gì |
| - to be used to doing S.T | : quen làm việc gì |
| - to depend on S.O | : lệ thuộc vào ai |
| - to worry about | : lo lắng về |
| - to hope for S.T | : hy vọng điều gì |

- to long for	: <i>mong đợi</i>
- to rely on S.T	: <i>tin tưởng vào ai</i>
- to count on	: <i>hy vọng ở, trông mong ở</i>
- to believe in	: <i>tin, tin tưởng</i>
- to fail in an examination	: <i>thi rớt</i>
- to decide upon S.T	: <i>quyết định chọn điều gì</i>
- to consent to a proposal	: <i>tán thành một lời đề nghị</i>
- to arrange for	: <i>sắp xếp cho</i>
- to fix for	: <i>ổn định thời gian cho</i>
- to run across S.O	: <i>tình cờ gặp ai</i>
- to know all about S.T	: <i>biết toàn bộ về điều gì</i>
- to be above S.O in the examination list	: <i>đầu cao hơn ai</i>
- across the street	: <i>bên kia đường</i>
- to feel up to S.T	: <i>cảm thấy khoẻ khoắn, thích hợp với việc gì</i>
- to keep up with S.O	: <i>đuổi kịp ai, bắt kịp ai</i>

III.

- on pain of	: <i>chịu bị</i>
- on parade	: <i>tham gia diễu hành</i>
- on patrol	: <i>đi tuần tra</i>
- on pay	: <i>thanh toán đầy đủ</i>
- on pension	: <i>nhận lương hưu</i>
- on the pretext of	: <i>lý do từ chối</i>
- on principle	: <i>về nguyên tắc</i>
- on probation	: <i>tạm tha</i>
- on promotion	: <i>thăng chức</i>
- on receipt	: <i>nhận được</i>

PRACTICE TEST 20

I.

to get along with - to be on good terms with
to get at - to approach, to imply
to get away - to leave, to escape
to get into (a temper) - to become (angry)
to get on with - to continue
to get over - to survive, to forget
to get round - to circumvent
to get to + verb stem - indicates gradual action

In the following exercises complete each sentence with a word or phrase chosen from the list at the beginning of each exercise.

1. I can't get.....before 9 a.m.
2. I don't think I shall ever get.....like it.
3. How can we get.....the regulations?
4. She's just getting.....'flu.
5. There's no need to get.....a temper.
6. How do you get.....your boss?
7. Get.....your work.
8. Two of the burglars have got.....
9. I can't get.....his rudeness.
10. What are you getting.....?

II. Choose the best answer.

1. What prevented you.....coming earlier?
a. for b. against c. from d. to

2. We congratulated him.....his success.
a. with b. on c. for d. about
3. Why did you absent yourself.....school yesterday?
a. from b. to c. for d. with
4. The teacher lectured the boys severely.....being lazy.
a. by b. because of c. for d. with
5. You should try to cooperate.....that organization.....every way.
a. with-in b. to - in c. with - for d. to - for
6. We complained.....the landlord.....the condition of the house.
a. with-about b. to - with c. for - about d. to - about
7. Professor Moore recommended that book.....me highly.
a. to b. with c. for d. of
8. Mr. Howell, our boss, recommended George.....a promotion.
a. by b. for c. with d. to
9. My wife and I are going shopping.....a new living room carpet.
a. to b. with c. by d. for
10. I think the treasurer strongly disapproves.....our new system.
a. with b. by c. for d. of
11. You should submit your application.....this office before the first of May.
a. for b. with c. to d. into
12. You should remove the weeds.....your garden soon.
a. from b. into c. out of d. against
13. I definitely prefer traveling by air.....traveling by train or bus.
a. by b. to c. with d. for
14. Those two companies import chemicalsSweden and Germany.
a. to b. into c. by d. from
15. That corporation exports machinery.....Latin American countries.
a. into b. by c. to d. about

16. Don't you think you'd better consult your lawyer.....that problem?

- a. for b. to c. with d. about

17.this time next year you ought to have a very good knowledge of English.

- a. By b. In c. During d. On

18. I bought a car.....\$ 200: it was a real bargain.

- a. in b. for c. by d. through

19. I wouldn't give away that ring.....anything in the world. So once and for all don't ask me again.

- a. to b. for c. by d. with

20. The brothers are so alike. I can't tell one.....the other.

- a. by b. to c. through d. from

21. You can take my wordit.

- a. with b. for c. to d. into

22. Stop that boy.....spoiling the book.

- a. by b. in c. with d. from

23. Are you better.....your long sleep?

- a. for b. to c. by d. in

24.all his wealth, he is unhappy.

- a. Through b. For c. With d. By

25. Henry's work is well.....the average.

- a. on b. above c. over d. under

III.

on suspicion (because of suspicion) - He has been arrested on suspicion of being mixed up in the crime.

on tap (easily available) - We must have a lawyer on tap, in case we need him.

on time (at the arranged time) - He's always late, never on time.

on tow (being towed) - A car being pulled by another usually carries a sign saying 'On Tow'.

on trial for (being tried) - He is on trial for murder.

on trust (trusting)- I bought it on trust, but I found I had been cheated.

on view (visible)- A model house is on view at the exhibition.

on the wane (shrinking)-His reputation is now on the wane.

on the watch for (waiting for)-I shall be on the watch of an opportunity to take it.

on the way to - You pass my house on the way to school.

Complete sentence with one of the above expressions.

1.They were popular for a long time, but now their popularity is

2. He never sends in his reports.....

3. You can't dismiss him.....; you must have proof.

4. I never take things....., I've been caught so many times.

5. Take his temperature regularly and be.....any sudden changes.

6. He is.....for fraud.

7. The photographs are.....downtown.

8. He buys his newspaper.....the station.

9. My car is.....to the garage.

10. Have you a good doctor.....?

LEARN

I.

- | | |
|--------------------------|-------------------------------|
| - to get along with | : thích hợp với (ai) |
| - to get at | : nhắm tới, ám chỉ |
| - to get away | : thoát |
| - to get into (a temper) | : phát giận |
| - to get on with | : tiếp tục |
| - to get over | : qua khỏi |
| - to get round | : né tránh, xoay xở cho thoát |
| - to get to + verb stem | : trở nên (dần dần) |

II.

- | | |
|---------------------------------|---------------------------|
| - to prevent S.O from doing S.T | : ngăn cản ai làm điều gì |
|---------------------------------|---------------------------|

- to congratulate S.O on S.T	: <i>khen ngợi ai điều gì</i>
- to absent oneself from school	: <i>ngỉ học, vắng mặt ở trường</i>
- to lecture S.O for doing S.T	: <i>trách mắng ai vì làm điều gì</i>
- to cooperate with S.O	: <i>hợp tác với ai; In every way; về mọi phương diện</i>
- to complain to S.O about S.T	: <i>phàn nàn với ai về điều gì</i>
- to recommend S.T to S.O	: <i>giới thiệu với ai điều gì</i>
- to recommend S.O for a promotion	: <i>đề bạt ai thăng chức</i>
- to go shopping for S.T	: <i>đi mua sắm món gì</i>
- to disapprove of S.T	: <i>không tán thành điều gì</i>
- to submit an application to	: <i>nộp đơn tới</i>
- to remove the weeds from a garden	: <i>nhổ cỏ dại ở vườn</i>
- to prefer one thing to another	: <i>thích điều này hơn điều kia</i>
- to import good from a country	: <i>nhập khẩu hàng hoá từ một nước</i>
- to export goods to a country	: <i>xuất khẩu hàng hoá tới một nước</i>
- to consult S.O about S.T	: <i>hỏi ý kiến ai về vấn đề gì</i>
- by this time next year	: <i>khoảng thời gian này năm tới</i>
- to buy S.T for	: <i>mua vật gì với giá là</i>
- to give away S.T for S.T	: <i>đổi vật gì lấy vật gì</i>
- to tell a person from the other	: <i>phân biệt một người với một người khác</i>
- to take one's word for S.T	: <i>tin tưởng ai nói về điều gì</i>
- to stop S.O from doing S.T	: <i>ngăn cản ai làm điều gì</i>
- for	: <i>vì, do bởi, nhà ở</i>
- for	: <i>mặc dù, cho dù là</i>
- above the average	: <i>trên trung bình</i>

III.

· on suspicion	: nghi ngờ
· on tap	: có sẵn
· on time	: đúng giờ
· on tow	: được kéo
· on trial for	: bị xét xử
· on trust	: cả tin, tin tưởng
· on view	: được trưng bày, triển lãm
- on the wane	: tàn lụi, hết thời
- on the watch for	: chờ đợi, đợi thời cơ
- on the way to	: trên đường đến

PRACTICE TEST 21

I.

to give away - to distribute, to reveal

to give in - to yield, to collapse

to give off - to produce

to give out - to finish

to give up - to stop

In the following exercises complete each sentence with a word or phrase chosen from the list at the beginning of each exercise.

1. The supply of water soon gave.....
2. You shouldn't give.....other people's secrets.
3. Have you given.....smoking?
4. His accent gave him.....
5. First the roof gave.....and then the walls.
6. They resisted for a while but finally gave.....
7. This substance gives.....a gas when heated.
9. We chased him for a while but had to give.....
10. Plants give.....oxygen.

II. Choose the best answer.

1. If they insist on it. I suppose we'll have to give in.....them.
a. for b. with c. into d. to
2. I don't think I can get.....going to that meeting tomorrow.
a. out b. out of c. away d. off
3. Hang on.....that end of the box very tightly. Don't let go.....it.
a. at - to b. to - of c. at - with d. to - with

4. Franky, I don't care to argue.....you.....that particular subject.
a. with-about b. with - in c. to - about d. to - in
5. The Coles are probably home tonight. Let's drop in.....them
a. to b. for c. on d. with
6. I want to save you.....making the mistake that I make.
a. by b. from c. with d. to
7. If you don't see what you want in our window, ask.....it.
a. for b. about c. to d. with
8. The ship was making.....the open sea.
a. to b. through c. for d. forward
9. He never make any provision for the future; he just lives.....hand.....mouth.
a. from to b. to - to c. at - to d. from - from
10. He felt that he was destined.....something great.
a. for b. by c. at d. with
11. What he said took me completely.....surprise.
a. about b. with c. by d. to
12.the way, don't forget our meeting next week.
a. Through b. At c. By d. With
13.your help: we should not have finished in time.
a. But for b. Owing to c. Because of d. Due to
14. These things are made.....machinery, not.....hand.
a. with-with b. with - by c. by - by d. by- with
15. He repeated the conversation that he had heard word word.
a. through b. for c. with d. by
16. He doesn't care.....working at all.
a. to b. with c. for d. about
17. Don't do this all at once: do it little.....little.
a. by b. to c. from d. with
18. He landed the airplane all right, but it was more..... good luck than good management.
a. through b. by c. because of d. with

19. Sugar is sold.....the pound, petrol.....the gallon.
 a. by-by b. at -at c. for - for d. in - in
20. The letters M.P. stands.....Members of Parliament.
 a. by b. with c. for d. in
21. You will not easily find as good a workman as Brown: he is one..... a thousand.
 a. from b. in c. out of d. into
22. Are you.....or..... the proposal?
 a. with-without b. with-against c. for -against d. into-out of
23. The police said a notorious criminal was involved.....the robbery.
 a. in b. to c. into d. from
24. You will get £50.....and.....your usual salary.
 a. over with b. above-under c. over-above d. on-with
25. He is just getting.....his severe illness.
 a. out from b. out of c. away from d. over

III.

on the hour (exactly at 1 o'clock, etc.) - There is a train every hour on the hour.

on the lead (held by a lead) - In London parks, dogs must be kept on a lead.

on a lease (rented) - We have taken a house on a long lease.

on the left - who's that sitting on the left on the chairman?

on a level with (at the same height) - His head is on a level with mine.

on the march (moving) - Soldiers on the march often sing to keep their spirits up.

on the mark (accurate) - He's a very good critic; his comments are always on the mark.

on the move (moving) - Well, I must be on the move.

on the occasion of - he received many congratulations on the occasion of his promotion.

on the right - He was sitting on the right of the chairman.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. An army.....needs to be fed.
2. The best thing would be to take a flat.....short.
3. The window of the basement is.....the street.
4. The train for Brighton leaves.....
5. This is the best television set.....
6. The procession is.....again.
7. She has a minister.....and an ambassador.....
8. You'll have to put your dog.....
9. The chairman's comments were clearly.....
10. He was given a gold watch.....his retirement.

LEARN

I.

- | | |
|----------------|--------------------|
| - to give away | : tiết lộ |
| - to give in | : đầu hàng, sụp đổ |
| - to give off | : toát ra, tỏa ra |
| - to give out | : cạn, kiệt |
| - to give up | : bỏ |

II.

- | | |
|-------------------------------|--|
| - to give in to S.O | : nhượng bộ ai |
| - to get out of doing S.T | : tránh khỏi phải làm điều gì |
| - to hang on to S.T | : nắm chặt cái gì; to let go of St buông cái gì ra |
| - to argue with S.O about S.T | : tranh cãi với ai về điều gì |
| - to drop in on S.O | : ghé vào thăm ai, tạt vào thăm ai |
| - to save S.O from doing S.T | : giúp ai tránh phải làm điều gì |
| - to ask for | : đòi hỏi, yêu cầu |
| - to make for the open sea | : bắt đầu ra khơi |

- to live from hand to mouth	: sống tay làm hàm nhai, kiếm được đồng nào xào đồng ấy.
- to be destined for	: được dành riêng (để làm điều gì)
- to take S.O by surprise	: làm cho ai ngạc nhiên
- by the way	: à này, tiện thể
- but for	: nếu không có
- by machinery	: bằng máy; by hand: bằng tay
- word for word	: từng từ một, từng chữ một
- to care for	: thích
- little by little	: dần dần, từ từ
- By good luck	: do may mắn, do vận may
- by the pound	: tính theo cân Anh, By the gallon tính theo ga-lông
- to stand for	: tượng trưng cho, thay thế cho
- one in a thousand	: hiếm có, khó thấy
- for or against	: ủng hộ hay chống đối
- to be involved in	: có liên quan tới, có dính líu tới
- over	: trên; Above: ngoài, thêm
- to get over an illness	: khỏi bệnh

III.

- on the hour	: 1 tiếng
- on the lead	: trong cũi
- on a lease	: hợp đồng thuê
- on the left	: bên trái
- on a level with	: ngang hàng với, ngang bằng
- on the march	: cuộc giễu hành
- on the mark	: sẵn sàng bắt đầu
- on the move	: đang chuyển động
- on the occasion of	: nhân dịp
- on the right	: bên phải

PRACTICE TEST 22

I.

- to go about - to arrange
- to go by - to judge according to
- to go for (a walk, ride, etc.)
- to go for - to attack
- to go in for - to be fond of
- to go into - to examine
- to go off - to become bad, to sound
- to go on - to continue, to happen
- to go out - to be extinguished
- to go over - to do again
- to go with - to harmonise with

In the following exercises complete each sentence with a word or phrase chosen from the list at the beginning of each exercise.

1. Why have all the lights gone.....?
2. Can we just go.....the plan again?
3. My alarm clock goes.....at 6 a.m.
4. Don't stop; go.....
5. That tie doesn't go.....that suit.
6. I can't go.....all the details now.
7. You can't always go.....appearances.
8. How shall we go.....solving the problem?
9. They went.....a ride in their new car.
10. Will your dog go.....me?
11. What's going.....?
12. She goes.....strange hats.

II. Choose the best answer.

1. She is proud.....her children and particularly.....her riches.
a. to - of b. to - to c. of - of d. with - with
2. The savages were at first suspicious.....the missionaries.
a. to b. of c. for d. by
3. "Pretty" is synonymous....."beautiful".
a. with b. to c. about d. for
4. They were terrified.....being killed in an air raid.
a. with b. by c. of d. for
5. I'm sure the explanation in this book will be quite clear.....you.
a. for b. with c. to d. about
6. Mrs. Parker was very upset..... the news of her father's death.
a. with b. over c. of d. to
7. I'm not familiar.....him, but his face seems familiar.....me.
a. with - to b. to - with c. with - with d. to - to
8. We were very grateful.....our friends..... all their assistance.
a. to - with b. for - to c. to - for d. for - with
9. My plan is similar.....yours, but it's quite different.....Frank's
a. with - from b. to - from c. for - from d. to - by
10. He is generous.....his money. He is generous.....giving to charities.
a. with - about b. to - for c. about - with d. to - with
11. In my opinion, this new model is definitely inferior.....the old one.
a. with b. for c. to d. by
12. Some teachers are more liberal.....their students than others.
a. with b. of c. about d. against.
13. Since it was the man's first offense, the judge was lenienthim.
a. with b. towards c. to d. a and b are correct

14. Albert said he was very ashamed.....his friend's bad manners.
a. with b. to c. by d. of
15. Tom is very devoted.....his work. He's well qualified.....it too.
a. to - for b. for - for c. to - to d. for - with
16. It seemed quite evident.....his behavior that he wasn't satisfied.
a. to b. with c. from d. about
17. It's quite apparent.....me that he's eager.....a chance to do it.
a. to - for b. for - for c. in - for d. in - with
18. At the moment, one dollar is roughly equivalent..... ten thousand dong.
a. by b. to c. with d. about
19. We feel very obliged.....our friends..... their kind assistance.
a. with - for b. to - for c. to - with d. with - for
20. I could tell.....his face that he was very angry..... something.
a. in - to b. from - with c. in - about d. from (by) - at (about)
21. I was confused.....what to say.....answer.....his unusual question.
a. about-in-for b. in-in-to c. about-in-to d. in-in-for
22. Barbara has been very concerned.....her mother's poor health.
a. about b. with c. to d. against
23. Mr. Moore is often taken.....a student because he looks so young.
a. with b. for c. by d. with
24. I don't think Mr. Anderson is convinced.....that man's honesty.
a. of b. for c. with d. by

25. That was done.....my help.....my knowledge and.....
my consent.

a. in - in - in

b. to - to - to

c. without - without - without

d. for - for - for

III.

on a diet (observing a diet) - You'll have to go on a diet if you want to lose weight.

on display (displayed) - All the new models will be on display next week.

on duty (working) - There was a guard on duty at the entrance.

on the evidence (according to the evidence) - I can't judge on the evidence you have given me.

on fire (burning) - Telephone the fire brigade; the shed is on fire!

on foot (walking) - The last bus has gone, so we shall have to go on foot.

on guard (against) (watching) - The inspector left two men on guard at the entrance.

on hands and knees (crawling) - They crawled through the hole on hands and knees.

on holiday (holidaying) - The shop is closed and the staff is on holiday.

on horseback (riding a horse) - The only way to get there is on horseback.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. I can't eat potatoes; I'm.....
2. During the bus-strike, a lot of people went to work.....
3. The whole building is.....
4. We crawled under the fence.....
5. They crossed the mountains.....
6. Television sets are.....in the main hall.
7. There's always somebody.....at the reception desk.
8. There's a policeman..... at the front door.
- 9.....of this book, I'd say he's a good writer.
10. The office is closed; they must be.....

LEARN

I.

- | | |
|----------------------------------|--------------------|
| - to go about | : dàn xếp |
| - to go by | : đánh giá dựa vào |
| - to go for (a walk, ride, etc.) | : đi (bộ, xe..) |
| - to go for | : tấn công |
| - to go in for | : thích |
| - to go into | : xem xét |
| - to go off | : reo, reng |
| - to go on | : tiếp tục |
| - to go out | : tắt |
| - to go over | : làm lại |
| - to go with | : hợp với |

II.

- | | |
|------------------------------------|---|
| - to be proud of | : hãnh diện về |
| - to be suspicious of S.O | : nghi ngờ ai |
| - to be synonymous with | : đồng nghĩa với |
| - to be terrified of doing S.T | : sợ làm điều gì |
| - to be clear to S.O | : rõ ràng đối với ai |
| - to be upset over | : bối rối về |
| - to be familiar with S.O | : thân với ai; to be familiar to S.O: quen thuộc đối với ai |
| - to be grateful to S.O for S.T | : mang ơn ai về điều gì |
| - to be similar to | : giống ai; to be different from: khác với |
| - to be generous with one's money | : rộng rãi về tiền bạc, to be generous about doing S.T: rộng rãi, thoải mái về làm việc gì. |
| - to be inferior to | : dưới, kém hơn |
| - to be liberal with S.O | : rộng rãi đối với ai |
| - to be lenient with (towards) S.O | : khoan dung đối với ai |
| - to be ashamed of | : xấu hổ vì |

- to be devoted to S.T	: <i>miệt mài với điều gì; to be qualified for S.T: có khả năng về việc gì.</i>
- evident from	: <i>hiển nhiên, rõ ràng</i>
- Apparent to S.O	: <i>rõ ràng đối với ai; Eager for a chance: nóng nóng được cơ hội</i>
- to be dependent on S.O for S.T	: <i>lệ thuộc vào ai để được điều gì</i>
- to be equivalent to	: <i>tương đương với</i>
- to be obliged to S.O for S.T	: <i>mang ơn ai vì điều gì</i>
- to tell from (by) S.O's face	: <i>nhìn mặt ai mà biết được điều gì, to be angry at (about) S.T: giận dữ về điều gì</i>
- to be confused about	: <i>lúng túng về; in answer a question: để trả lời cho một câu hỏi, một vấn đề</i>
- to be concerned about S.T	: <i>lo âu, quan tâm về điều gì</i>
- to be taken for another person	: <i>bị nhầm là người khác</i>
- to be convinced of S.T	: <i>tin tưởng, bị thuyết phục về điều gì</i>
- Without	: <i>không có (dùng cho cả 3 nghĩa trong câu này)</i>

III.

- on a diet	: <i>ăn kiêng</i>
- on display	: <i>trưng bày, triển lãm</i>
- on duty	: <i>đang trực, đang làm nhiệm vụ</i>
- on the evidence	: <i>bằng chứng</i>
- on fire	: <i>đang cháy</i>
- on foot	: <i>đi bộ</i>
- on guard	: <i>đề phòng, cảnh giác</i>
- on hands and knees	: <i>bó</i>
- on holiday	: <i>đi nghỉ mát</i>
- on horseback	: <i>trên lưng ngựa</i>

PRACTICE TEST 23

I.

- to have it in for somebody - to dislike
- to have on - to have an appointment
- to have it out with somebody - to clear up
- to have up - to arrest
- to hold out - to offer, to resist
- to hold over - to postpone
- to hold up - to stop
- to hold with - to approve of

In the following exercises complete each sentence with a word or phrase chosen from the list at the beginning of each exercise.

1. Have you anything.....this evening?
2. He says the manager has it.....him.
3. I can't hold.....any hope.
4. Production has been held.....by strikes.
5. He has been had.....for speeding.
6. The chairman suggested holding the matter.....until the next meeting.
7. If you feel he has been dishonest, I should have it.....him.
8. She doesn't hold.....spoiling children.
9. The traffic was held.....for hours.
10. The army can hold.....for another week.

II. Choose the best answer.

1. Don't contrast the foreign goods.....our local products.
a. to b. into c. with d. against

2. All the roads converge.....Rome.
a. for b. into c. to d. in
3. They clear away the table and chairs and convert their sitting room a dancing room.
a. out of b. into c. from d. to
4. I dare not confide my love.....her.
a. with b. for c. to d. into
5. I confound him.....his brother.
a. to b. in c. with d. on
6. My mother often connives.....my faults.
a. to b. in c. for d. at
7. She consigns her child.....my care.
a. for b. to c. in d. into
8. This statue consists..... marble.
a. in b. of c. for d. by
9. It is natural.....parents to love their children.
a. to b. with c. for d. by
10. This museum is now open.....all visitors.
a. to b. for c. with d. by
11. "Wrong" is opposite..... "Right"
a. with b. by c. to d. against
12. He went to night - school preparatory.....atending college.
a. to b. with c. for d. by
13. The sorrow of separation is still present.....my memory.
a. into b. to c. on d. with
14. I'll make amends.....you.....the damage.....your car.
a. for - for - for b. to - at - to c. to - for - to d. for - for - in
15. There is an analogy.....the human eyes and cameras.
a. at b. from c. with d. between
16. I don't know why he keeps a strong animosity.....me.
a. with b. towards c. to d. against
17. This building is only an annex.....a hotel.
a. into b. with c. to d. for

18. Today, I have an appetite.....meat.
 a. at b. in c. for d. to
19. Cinema has little attraction.....me.
 a. to b. for c. on d. at
20. He is an authority.....English grammar.
 a. at b. about c. in d. on
21. The best avenue.....success is hard work.
 a. into b. forward c. in d. to
22. Poor health may be a bar.....success.
 a. into b. for c. in d. to
23. You should make a bargain.....the vendor before buying something
 a. to b. about c. with d. against
24. Caution.....error is natural to man.
 a. at b. for c. in d. against
25. Don't you think Jean's new Spring coat is very becoming.....her?
 a. with b. for c. into d. to

III.

on account of (because of) - We were late on account of the rain.

on approval (lent for inspection before buying) - Stamps sent on approval must be returned within 10 days or paid for.

on an average (indicates a usual amount or number) - I go to the cinema on an average twice a week.

on behalf of (acting for somebody else)-They are making a collection on behalf of the hospital.

on board (on ship)-There are 200 passengers on board.

on the brain (always in mind) - He has 'pop' music on the brain; he can't think about anything else.

on charter [hire, loan] (chartered, hired)-They have no planes; they are all on charter to another company.

on condition that (provided) - You can borrow my bicycle on condition that you look after it.

on the contrary (the opposite is true) - It's not cheap; on the contrary, it's very dear.

on credit (without paying immediately) - He never pays for anything; he buys everything on credit.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. Money must be sent with the order, as goods cannot be sent
2. He smokes.....20 cigarettes a day.
3. The plane was delayed.....snow.
4. Books can be sent.....
5. They are arriving.....the 'Queen Mary'
6. He spoke.....all the delegates.
7. You have film stars.....!
8. You can go.....you're back by five.
9. The weather wasn't bad;....., it was very good.
10. They have bought all their furniture.

LEARN

I.

- | | |
|--------------------------------|-------------------|
| - to have it in for somebody | : ghét |
| - to have on | : hèn |
| - to have it out with somebody | : chấm dứt |
| - to have up | : bắt giữ |
| - to hold out | : cho, cung cấp |
| - to hold over | : hoãn |
| - to hold up | : đình trệ |
| - to hold with | : tán thành, chịu |

II.

- | | |
|--------------------------------------|--|
| - to contrast S.T with S.T | : đối chiếu, so sánh vật gì với vật gì |
| - to converge to a point | : qui tụ về một điểm |
| - to convert...into | : biến... thành, chuyển đổi...thành |
| - to confide S.T to S.O | : thổ lộ, tâm sự điều gì với ai |
| - to confound a person with a person | : lẫn lộn người này với người khác |
| - to connive at S.T | : làm ngơ trước điều gì |

- to consign...to	: giao phó...cho
- to consist of	: làm bằng gồm có
- for	: đối với, cho
- to be open to the public	: mở cửa đón tiếp công chúng
- to be opposite to	: trái ngược với
- to be preparatory to doing S.T	: chuẩn bị làm điều gì
- to be present to S.O's memory	: hiện diện trong trí nhớ ai
- to make amends to S.O for S.T	: bồi thường ai về cái gì
- between	: giữa
- an animosity against S.O	: sự ác cảm đối với ai
- an annex to a house	: nhà phụ của một ngôi nhà
- an appetite for food	: sự ăn ngon miệng
- attraction for S.O	: sự hấp dẫn đối với ai
- an authority on a subject	: người chuyên môn, người có thẩm quyền về
- an avenue to success	: con đường để tiến tới thành công
- a bar to success	: trở ngại của việc tiến tới thành công
- to make a bargain with S.O	: mặc cả với ai
- caution against S.T	: sự cẩn thận để phòng điều gì
- to be becoming to S.O	: thích hợp, phù hợp với ai

III.

- on account of	: bởi vì
- on approval	: có thể trả lại
- on an average	: trung bình
- on behalf of	: thay mặt cho
- on board	: trên tàu
- on the brain	: ám ảnh trong đầu
- on charter	: thuê
- on condition that	: với điều kiện là
- on the contrary	: trái lại, ngược lại
- on credit	: trả chậm.

PRACTICE TEST 24

I.

to keep at - to persist

to keep from - to stop from

to keep off - not to step on

to keep on - to continue

to keep up - to maintain

to leave off - to stop wearing, to stop, to omit

In the following exercises complete each sentence with a word or phrase chosen from the list at the beginning of each exercise.

1. Keep.....the grass.
2. He won't be able to keep.....that speed.
3. Don't keep.....interrupting.
4. Why have you left.....your coat?
5. I could hardly keep.....shouting.
6. You'll succeed if you keep.....it.
7. Keep.....the pressure.
8. We must keep.....that subject.
9. Why do you keep.....telling me lies?
10. Keep your coat.....

II. Choose the best answer.

1. What conditions are required for a good choice.....friends?
a. in b. with c. of d. into
2. He decides to make a claim.....damages to his car.
a. to b. in c. for d. at

3. I will do this job for you.....fail by tomorrow.
a. in b. without c. through d. with
4. You have been warned times.....number about the danger and still don't take any notice.
a. with b. without c. to d. for
5. It is.....great pleasure that I give you the prize.
a. to b. with c. for d. in
6. Orders for the new car came in..... a rush.
a. to b. with c. for d. about
7. I don't get on very well.....George: You see, I have nothing in common.....him.
a. to - to b. to -with c. with - with d. with - to
8. The river is abounding.....fish.
a. by b. in c. for d. with
9. The scientist is completely abosorbed.....his research work.
a. on b. into c. in d. for
10. "His present was not acceptable.....me", she proudly said.
a. for b. by c. with d. to
11. The mathematician, accompanied.....a friend of his, came here.
a. by b. to c. with d. for
12. I have already sent my luggage.....the station.
a. to b. towards c. for d. at
13. Come on, children, time.....go.....bed and go.....sleep.
a. to - to - into b. to - into - to c. to - to - to d. to - to - (no preposition)
14. The river flows..... the town.
a. around b. past c. through d. in
15. I saw.....his trick.
a. into b. of c. through d. in
16. George has got.....his exam.
a. for b. with c. through d. by
17. The girls had to use newspapers.....place..... wrapping paper.
a. for - for b. for - i n c. in - of d. to - in

18. Frank has to worknight.....order to earn some extra money.

- a at - in b. in - at c. in - in d at - for

19. I haven't been able to gettouch.....Mr. Miller all day long.

- a in - to b. in - with c. on - to d on - with

20. He sat with his arms..... his chest.

- a across b. on c. upon d along

21. Brown's business is not going well: he is finding it difficult to keep his head.....water.

- a on b. in c. off d above

22. Our thoughts are centred.....one topic: "how maps began"

- a in b. upon c. about d into

23. The ship has got clear.....the rocks.

- a about b. of c. off d from

24. He's clever.....his violin.

- a in b. about c. with d into

25. I don't like that fellow: He's close.....his money.

- a to b. into c. with d in

III.

on record (recorded) - It has been the wettest July on record.

on reflection (after reflecting) - On reflection, I decided to change my plan.

on return (having returned) - You will hand this back on return.

on the run (running away)- The bandits are on the run, pursued by loyal troops.

on sale (being sold)-Suits are on sale on the first floor.

on a [large] scale (in [large] quantities) - A summer prophylactic hygiene campaign will be happened on a large scale.

on schedule - They arrived in Paris on schedule.

on show (able to be seen)-New models will be on show at the exhibition.

on sight (on first seeing)-They disliked one another on sight.

on strike (striking) - The factory is closed as the men are on strike.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. Will the plane arrive.....?
2. The police have orders to shoot him.....
3. It was the coldest November day.....
4. These coats will be put.....next week.
5. There are some new pictures.....at the Gallery.
6. A criminal.....is always dangerous.
7., we decided not to take part.
8.hishe was greeted by a large crowd.
9. Damage.....has been caused by the floods.
10. The men will go.....unless their demands are met.

LEARN

I.

- | | |
|----------------|----------------------|
| - to keep at | : <i>khăng khăng</i> |
| - to keep from | : <i>ngăn</i> |
| - to keep off | : <i>tránh xa</i> |
| - to keep on | : <i>tiếp tục</i> |
| - to keep up | : <i>giữ</i> |
| - to leave off | : <i>ngưng, bỏ</i> |

II.

- | | |
|---------------------------------|---|
| - a choice of friends | : <i>sự chọn bạn</i> |
| - to make a claim of damages | : <i>đòi bồi thường thiệt hại</i> |
| - without fail | : <i>chắc chắn, nhất định, không sai chạy</i> |
| - times without number | : <i>không biết bao nhiêu lần mà nói</i> |
| - it's with great pleasure that | : <i>thật là một niềm vui lớn</i> |
| - to come in with a rush | : <i>dồn dập đổ tới</i> |
| - to get on very well with S.O | : <i>ăn ý với ai; to have nothing in common with S.O: không có điểm tương đồng với ai</i> |
| - to be abounding in | : <i>có nhiều, dồi dào</i> |

- to be absorbed in S.T	: <i>miệt mài, say mê điều gì</i>
- to be acceptable to S.O	: <i>có thể chấp nhận được đối với ai</i>
- to be accompanied by S.O	: <i>cùng đi với ai</i>
- to send S.T to a place	: <i>miệt mài, say mê điều gì</i>
- to go to bed	: <i>đi ngủ; to go to sleep: ngủ</i>
- to flow through a place	: <i>chảy qua nơi nào</i>
- to see through S.O's trick	: <i>hiểu thấu được sự chơi xỏ của ai, không bị ai lừa</i>
- to get through an exam	: <i>vượt qua kỳ thi, thi đỗ</i>
- in place of	: <i>thay thế cho</i>
- at night	: <i>vào ban đêm: In order to: để</i>
- to get in touch with S.O	: <i>liên lạc với ai</i>
- to sit with one's arms across one's chest	: <i>ngồi khoanh tay</i>
- to keep one's head above water	: <i>giữ cho khỏi mang công mắc nợ</i>
- to be centred upon a topic	: <i>tập trung vào một đề tài</i>
- to get clear of S.T	: <i>thoát khỏi điều gì</i>
- to be clever with S.T	: <i>khéo léo với vật gì</i>
- to be close to one's money	: <i>chặt chẽ về tiền bạc</i>

III.

- on record	: <i>được phổ biến rộng rãi</i>
- on reflection	: <i>theo sự suy xét</i>
- on return	: <i>trả lại</i>
- on the run	: <i>chạy trốn, sự đào thải</i>
- on sale	: <i>để bán</i>
- on a scale	: <i>theo tỷ lệ</i>
- on schedule	: <i>theo lịch trình</i>
- on show	: <i>trưng bày</i>
- on sight	: <i>thoạt nhìn, ấn tượng đầu tiên</i>
- on strike	: <i>đình công</i>

PRACTICE TEST 25

I.

- to look after - to take care of
- to look down on - to despise
- to look for - to search for
- to look in - to visit casually
- to look into - to examine
- to look out - to be careful
- to look over - to examine
- to look up - to search for (in a dictionary, etc)

In the following exercises complete each sentence with a word or phrase chosen from the list at the beginning of each exercise.

1. I promise to look.....the matter.
2. Will you look.....this list and tell me what you think?
3. Who will look.....the children while we're out?
4. I'm looking.....my brother. Have you seen him?
5. Look.....on your way home.
6. Look.....!It's falling!
7. I don't see why you look.....coalminers.
8. Go and look it.....in the dictionary.
9. You won't find it if you don't look.....it.
10. Look.....yourself.

II. Choose the best answer.

1. He is exact.....the fulfillment of his promise.
a. on b. to c. in d. with,

2. Wife should defer.....husband's opinion.
a. in b. to c. against d. at
3. Can such an innocent school - girl degenerate.....a prostitute?
a. in b. into c. for d. to
4. You should deliberate.....what you are going to do.
a. in b. on c. with d. at
5. My God deliver us.....temptations.
a. into b. from c. against d. with
6. They demur.....working on Sundays.
a. in b. for c. at d. with
7. They denounced.....me.
a. with b. into c. from d. against
8. Old people don't like to depart.....old customs.
a. into b. from c. at d. with
9. Old people like to descant.....past memories.
a. in b. with c. on d. for
10. She desisted.....singing.
a. at b. for c. from d. in
11. He began to despair.....success.
a. of b. from c. at d. in
12. Students often compete.....each other.....various school honors.
a. with - for b. for - with c. to - for d. by - by
13. We weren't able to convince them.....the real value of the plan.
a. of b. about c. with d. for
14. They are going to transfer him.....this departmentanother one.
a. to - from b. from - to c. to - at d. from - at
15. It was difficult for me to keep.....smiling.....his funny remark.
a. about - from b. at - from c. from - about d. on - at

16. You really shouldn't boast.....your success.....other people.
a. of - at b. about - to c. for - to d. at - to
17. My friend Arthur is working.....his novel.....the Civil war.
a. to - about b. on - with c. on - about d. at - about
18. His friends have constantly encouraged him.....his difficult task.
a. for b. on c. at d. in
19. Arthur told me that he hadn't decided.....a name for his new novel yet.
a. for b. on c. with d. to
20. He referred his success.....the good teaching he had had.
a. to b. at c. forward d. about
21. Everyone laughed at ED's joke, but I didn't catch on.....it
a. at b. for c. to d. with
22. A thief despoiled me.....money and ran away.
a. of b. to c. with d. from
23. Failure does not deter me.....trying again.
a. out of b. with c. to d. from
24. When the President is away, the work devolves.....the Vice President.
a. in b. on c. with d. for
25. I'm sorry to differ.....you.
a. from b. with c. to d. in

III.

out of print (not in print) - We have no more copies of that book; it's out of print.

out of the question (impossible) - I can't accept such a gift; it's out of the question.

out of season (not in season)-June is the time for strawberries; they're out of season now.

out of sight (not visible)-Out of sight, out of mind.

out of sorts (not well) - Go and lie down if you're feeling out of sorts.

out of step (not in step) - One soldier out of step spoils the effects of a parade.

out of stock (not holding stock) - We haven't any more briefcases - we're out of stock.

out of touch with (not in touch with) - I've been away so long I feel out of touch with things.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. I never eat oysters.....
2. Don't let him see those plans; keep them.....
3. I'm sorry we haven't any coffee; we're.....
4. He asks to be excused; he's feeling.....
5. We have no copies of his new novel; it's already.....
6. How can you ask for such a thing? You know it's.....
7. She lives in a world of her own, and she's.....reality.
8. The effect was spoiled by two of the men who were.....

LEARN

I.

- to look after	: <i>chăm sóc</i>
- to look down on	: <i>coi thường</i>
- to look for	: <i>tìm kiếm</i>
- to look in	: <i>ghé thăm</i>
- to look into	: <i>xem xét</i>
- to look out	: <i>cẩn thận</i>
- to look over	: <i>xem xét</i>
- to look up	: <i>tra (từ điển...)</i>

II.

- to be exact in S.T	: <i>chính xác về điều gì, đúng đắn về chuyện gì</i>
- to defer to	: <i>chiều theo, nghe theo</i>
- to degenerate into	: <i>đi đến chỗ thoái hoá</i>
- to deliberate on	: <i>suy nghĩ chín chắn về</i>
- to deliver S.O from S.T	: <i>cứu ai thoát khỏi điều gì</i>

- to demur at	: <i>thắc mắc về</i>
- to denounce against S.O	: <i>tố cáo ai</i>
- to depart from	: <i>bỏ, sửa đổi</i>
- to descant on	: <i>nói dài dòng về</i>
- to desist from doing S.T	: <i>ngưng làm việc gì</i>
- to despair of success	: <i>ngã lòng, không hy vọng thành công</i>
- to compete with S.O for S.T	: <i>tranh giành với ai về điều gì</i>
- to convince S.O of S.T	: <i>thuyết phục ai về chuyện gì</i>
- from...to	: <i>từ...đến</i>
- to keep from	: <i>nhịn; about: về</i>
- to hasten about S.T to S.O	: <i>khoe với ai điều gì</i>
- to work on	: <i>làm việc về; about: về, nói về</i>
- to encourage S.O in his task	: <i>động viên ai trong công việc của anh ta</i>
- to decide on S.T	: <i>quyết định về việc gì</i>
- to refer S.T to some cause	: <i>qui nguyên, cho điều gì là do nguyên nhân nào đó</i>
- to catch on to S.T	: <i>hiểu, bắt kịp điều gì</i>
- to despoil S.O of S.T	: <i>cướp của ai cái gì</i>
- to deter S.O from doing S.T	: <i>khiến ai nản lòng không làm điều gì</i>
- to devolve on S.O	: <i>được trao lại cho ai</i>
- to differ from S.O	: <i>bất đồng ý kiến với ai</i>

III.

- out of print	: <i>hết, không còn</i>
- out of question	: <i>ra ngoài vấn đề</i>
- out of season	: <i>trái mùa</i>
- out of sight	: <i>ra khỏi tầm nhìn</i>
- out of sorts	: <i>không khoẻ</i>
- out of step	: <i>sai bước</i>
- out of stock	: <i>không có sẵn</i>
- out of touch with	: <i>xa lạ, không quen</i>

PRACTICE TEST 26

I.

to make for - to go in the direction of

to make of - to interpret

to make off - to go away

to make out - to understand

to make to + verb stem - to make a movement as if to

to make up - to invent

to pass away - to die

to pass off - to disappear

to pass over - not to pay attention

In the following exercises complete each sentence with a word or phrase chosen from the list at the beginning of each exercise.

1. I can't make.....what he means.
2. The treasurer has made.....with all the money.
3. They are all making.....the exit.
4. He made.....hit me but changed his mind.
5. The old man passed.....in his sleep.
6. We must make.....some story to explain our absence.
7. I'm afraid I can't pass.....his rudeness.
8. The pain will soon pass.....
9. What do you make.....his attitude?
10. I can't make.....his writing.

II. Choose the best answer.

1. What I do will depend.....the help you can give me.
a. in b. to c. on d. with

2. English is spoken all.....the world.
a. in b. of c. through d. over
3. You don't need to pay back the money you borrowed at one; the repayment can be spread.....a number of years.
a. over b. to c. for d. into
4. You are ill, so I dispense you.....doing the military service.
a. with b. from c. for d. to
5. The Russian nobles were dispossessed.....their land after the revolution.
a. of b. in c. to d. for
6. I dissent strongly.....what you've said.
a. to b. from c. at d. in
7. Sugar dissolves.....my mouth.
a. into b. with c. in d. by
8. My father often dissuades me.....going into that bar.
a. from b. in c. to d. for
9. Sometimes we should know how to divert ourselves.....studies.
a. from b. at c. to d. with
10. She's still doting.....her husband.
a. in b. by c. on d. with
11. Don't allow your mind to dwell.....past failures.
a. in b. with c. upon d. on
12. Only nature can ease my mind.....those sufferings.
a. for b. to c. of d. by
13. Many women like to emancipate themselves.....household affairs.
a. from b. by c. to d. with
14. She always has a dozen boys dangling.....her.
a. about b. after c. round d. all are correct
15. A snake darted.....me.
a. to b. at c. forward d. into
16. Religion debar me.....doing wrong.
a. at b. in c. from d. with

17. They are debating.....dancing.
 a. on b. about c. with d. A and B are correct
18. I dedicated this book.....the teachers of English.
 a. for b. from c. to d. forward
19. Don't aspire.....earthly pleasures.
 a. in b. with c. into d. after
20. He has assented.....my proposal.
 a. with b. to c. by d. for
21. I assure you.....it.
 a. for b. about c. of d. with
22. May I have the honor of attending.....you.
 a. upon b. to c. with d. for
23. We always attribute beauty.....the girls we love.
 a. for b. with c. to d. by
24. They are alike in appearance but differ.....their tastes.
 a. in b. with c. to d. by
25. We had to postpone the picnic.....account.....the bad weather.
 a. with - to b. on - of c. to - for d. in - of

III.

out of control (not under control)-The lorry, out of control, ran down the hill and crashed into a wall.

out of danger (not in danger)-He has been critically ill for days but now he's out of danger.

out of date (not valid) Your licence is out of date and you'll have to get a new one.

out of debt (not in debt)-How much money do you need to get out of debt?

out of fashion (not in fashion)-Not many men wear hats nowadays - they're out of fashion.

out of focus (not in focus) - The photograph is blurred; the camera must have been out of focus.

out of hand (not under control)- To judge by the noise, that class is out of hand.

out of [his] mind (mad) - You must have been out of your mind to accept such an offer!

out of pocket (losing money)- I haven't made a profit, in fact I'm out of pocket.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. Why haven't you renewed your insurance? It's.....
2. He's always spending money and he's never.....
3. The driver fainted, and the train,, ran into the back of another one.
4. Stiff collars went.....years ago.
5. Move the screen, the picture is.....
6. I've lost ten shillings and you must be.....too.
7. Keep them in order and don't let them get.....
8. She's still in hospital and not.....yet.
9. His troubles and difficulties finally drove him.....
10. He was popular for a long time, but now he's.....

LEARN

I.

- | | |
|--------------------------|--------------------------------|
| - to make for | : hướng về |
| - to make of | : hiểu (theo cách nghĩ của ai) |
| - to make off | : rời, đi |
| - to make out | : hiểu |
| - to make to + verb stem | : sắp, như thể |
| - to make up | : tạo ra |
| - to pass away | : qua đời |
| - to pass off | : biến mất |
| - to pass over | : bỏ qua |

II.

- | | |
|---------------------|-------------------------------|
| - to depend on | : lệ thuộc vào, tùy thuộc vào |
| - all over | : khắp cả |
| - to be spread over | : được gia hạn |

- to dispense S.O from doing S.T	: miễn cho ai khỏi làm điều gì
- to dispossess S.O of S.T	: tước quyền sở hữu của ai
- to dissent from	: bất đồng ý kiến về
- in	: trong
- to dissuade S.O from doing S.T	: khuyên ai đừng làm việc gì
- to divert oneself from a matter	: để mình xao lãng khỏi một vấn đề
- to dote on	: say mê
- to dwell on a subject	: suy nghĩ nhiều, viết nhiều hoặc nói nhiều về vấn đề gì
- to ease S.O of some pain	: làm ai đỡ đau khổ
- to emancipate...from	: giải thoát khỏi
- to dangle about (after, round)	: đeo đuổi, chờ vờn theo
- to dart at S.O	: phóng tới ai, lao tới ai
- to debar S.O from doing S.T	: ngăn cản ai đừng làm điều gì
- to debate on (about) S.T	: bàn cãi về điều gì
- to dedicate S.T to S.O	: tặng, đề tặng cái gì cho ai
- to aspire after	: ham muốn, khao khát
- to assent to	: đồng ý, ưng thuận
- to assure S.O of S.T	: cam đoan với ai về điều gì
- to attend on (upon) S.O	: hầu hạ ai
- to attribute S.T to S.O	: gán cho ai điều gì
- to differ in S.T	: khác nhau về điểm gì
- on account of	: vì, do bởi

III.

- out of control	: không kiểm soát được
- out of danger	: hết nguy hiểm
- out of date	: hết hạn
- out of debt	: hết nợ
- out of fashion	: không hợp thời trang
- out of favour	: không được ưng thuận
- out of focus	: ngoài tiêu điểm
- out of hand	: ngoài tầm tay, khả năng
- out of (his) mind	: mất trí, ngơ ngẩn
- out of pocket	: bị mất tiền

PRACTICE TEST 27

I.

to put away - to save

to put off- to postpone

to put up with - to stand, to tolerate

to run into - to meet unexpectedly

to be run down - to be in poor health, in a poor state

to run over - to knock down (car)

to run through - to read or spend quickly

to run up - to accumulate

In the following exercises complete each sentence with a word or phrase chosen from the list at the beginning of each exercise.

1. The dance has been put.....
2. I ran.....George in the library.
3. You need a rest; you look run.....
4. He puts.....some money every week.
5. Our dog has been run.....by a car.
6. The battery must be run.....
7. You may not like the noise, but you'll have to put.....it.
8. He has already run.....two fortunes.
9. I hadn't arranged to meet him; I just ran.....him.
10. If you run.....any more bills, I won't pay them.

II. Choose the best answer.

1. Please, direct me.....the past - office
a. into b. forward c. in d. to

2. Love disables him.....studying.
a. to b. with c. for d. from
3. Can you dislodge this rock.....the cliffs?
a. from b. into c. with d. out of
4. That matter does not bear.....what we are talking about.
a. about b. on c. to d. with
5. She beguiles me.....marrying her.
a. into b. with c. for d. to
6. He bends his mind.....Catholicism.
a. to b. into c. for d. with
7. When he dies, he will bequeath a villa.....me.
a. with b. for c. to d. of
8. Nothing can bereave me.....the dear memories of my childhood.
a. of b. from c. off d. for
9. Don't avert your lookme.
a. with b. to c. into d. from
10. He rarely balks me.....my plans.
a. to b. into c. from d. for
11. The doctor told me to banish black ideas.....my mind.
a. to b. from c. into d. out of
12. When I entered her house, a dog kept barking.....me.
a. at b. with c. to d. into
13. Her face is beaming.....joy.
a. for b. into c. with d. by
14. The conference was productive.....new ideas.
a. to b. for c. of d. with
15. The water from this spring is rich.....minerals.
a. in b. with c. for d. about
16. We need more land that is ripe.....development.
a. for b. with c. to d. into
17. This candidate is satisfactory.....this job.
a. for b. with c. to d. into

18. As usual, the twenty-six year old boxer is secure.....success.
 a. of b. into c. in d. with
19. His father chides him.....being lazy.
 a. to b. with c. about d. for
20. The foolish people were clamouring.....war.
 a. against b. for c. to d. with
21. The colour of the ribbon round her head clashes.....the colour of her dress.
 a. to b. against c. with d. into
22. She dared class me..... "cow-boys"
 a. to b. with c. for d. into
23. You must clean this table.....ink-spots.
 a. of b. out of c. for d. from
24. Her nylon clothes cling.....her body.
 a. into b. to c. with d. against
25. By means of science, a separated arm can coalesce.....his body.
 a. with b. into c. to d. about

III.

in convoy (together-of ships) - The ships left port in convoy.

in custody (in the hand of the police)-The thief is in custody.

in danger - The success of the plan is in danger.

in debt (owing money)-He spends all his money and is always in debt.

in demand (popular) - These new television sets are in great demand.

in detail (carefully)- I will study the plan in detail.

in disgrace (disgraced)- he was expelled from school in disgrace.

in disguise (disguised)- The accident was a blessing in disguise.

in disregard of (not paying attention to)-This has been done in disregard of my instructions.

in disrepair (in poor condition) - We bought a house in disrepair and spent a lot of money on repairs.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. In wartime ships travel.....for safety.
2. I can't pay you any more; I'm.....as it is.
3. At first his books didn't sell very well, but now they're great.....
4. Nobody recognised him; he was.....
5. The dog has killed a chicken and he's.....
6. The police are keeping him.....
7. I want you to check this list.....
8. People must be stopped from entering the building, as it's of collapse.
9. A house.....is cheaper than one in good condition.
- 10.....all my warnings, he married her.

LEARN

I.

- to put away	: để dành
- to put off	: hoãn
- to put up with	: chịu đựng
- to run into	: gặp tình cờ
- to be run down	: tiêu tụy
- to run over	: (car) cán (xe)
- to run through	: đọc / đi lướt
- to run up	: tích lũy, chồng chất

II.

- to direct S.O to a place	: chỉ đường cho ai tới chỗ nào
- to disable S.O from doing S.T	: khiến ai bất lực không làm được việc gì
- to dislodge S.T from a place	: lấy vật gì ra khỏi một nơi
- to bear on	: có ảnh hưởng về, liên quan về
- to beguile S.O into doing S.T	: lừa ai đi đến chỗ phải làm điều gì

- to bend one's mind to S.T	: cố hướng tư tưởng về
- to bequeath S.T to S.O	: để cái gì lại cho ai
- to bereave S.O of S.T	: làm ai mất đi cái gì
- to avert...from	: quay đi, ngoảnh đi
- to balk S.O from S.T	: ngăn cản ai khỏi điều gì
- to banish...from	: xua đuổi...khỏi
- to bark at	: sủa
- to beam with	: chiếu ra, phát ra, toả ra, hiện ra
- to be productive of	: sản xuất ra, phát minh ra, nảy ra
- to be rich for	: có nhiều cái gì
- to be ripe for S.T	: sẵn sàng, đã đến lúc
- to be satisfactory for a job	: thích hợp với một công việc
- to be accure of success	: chắc chắn thành công
- to chide S.O for S.T	: mắng ai về điều gì
- to clamour for	: la ó đòi cho được
- to clash with	: xung khắc với, không hợp với
- to class S.O with	: xếp loại ai với, coi ai là
- to clean S.T from stain	: tẩy vật gì cho sạch vết như
- to cling to	: bám vào, dính vào
- to coalesce with	: nối liền với

III.

- in convoy	: đi từng đoàn
- in custody	: bị bắt giam
- in danger	: nguy hiểm
- in debt	: nợ nần
- in demand	: được nhiều người yêu cầu
- in disgrace	: không được quan tâm
- in disguise	: được che đậy, nguy trang
- in disregard of	: không đếm xỉa đến, không quan tâm.
- in disrepair	: tình trạng ọp ẹp

PRACTICE TEST 28

I.

to see about - to arrange, to prepare
to see off - to say good - bye
to see to - to attend to
to set about - to undertake
to set out - to depart
to set up - to establish
to stand by - to stand prepared
to stand for - to represent
to stand up to - to resist

In the following exercises complete each sentence with a word or phrase chosen from the list at the beginning of each exercise.

1. We must set.....at dawn.
2. What does R.S.P.C.A stand.....?
3. The police stood.....in case of trouble.
4. A committee has been set.....to examine the question.
5. I'll see.....some food for you.
6. The maid will see.....your needs,
7. Shall we go to the station and see them.....?
8. How shall we set.....finding him?
9. Don't let him treat you badly, stand.....him.
10. The army is standing.....

II. Choose the best answer.

1. There is a keen competition.....the seats in the Congress.
a. to b. in c. with d. for

2. You should make a concession.....their request.
a. for b. with c. to d. on
3. Don't put much confidence.....his words.
a. to b. at c. in d. on
4. Conformity.....fashion is essential to the happiness of some women.
a. of b. with c. to d. in
5. The government appeals.....help for the flood victims.
a. to b. with c. for d. through
6. Many people appointed him.....mayor of the city.
a. for b. to c. with d. into
7. We must appoint the day.....the next meeting.
a. with b. for c. into d. to
8. My father decides to apprentice me.....a lawyer although I don't agree.
a. with b. to c. for d. into
9. He ascribed his failure.....ill - health.
a. for b. on c. into d. to
10. Please be serious.....your work.
a. to b. with c. for d. about
11. The coloured student was sick.....failing the test in racial discrimination.
a. about b. to c. for d. with
12. All of us were startled.....the explosion.
a. by b. with c. at d. by
13. He is not worthy.....your respect.
a. by b. in c. of d. into
14. This villa was annexed.....a hotel.
a. with b. for c. to d. by
15. You should cope.....difficulties in order to succeed in life.
a. to b. with c. for d. against
16. I want you to copy carefully.....the model.
a. about b. from c. into d. to

17. We generally covet.....other's property
a. in b. into c. with d. after
18. I crave.....a car to take my girl friend for a drive.
a. for b. into c. with d. after
19. Don't dally.....a woman's affections.
a. to b. for c. with d. into
20. I can't conceal my love.....her.
a. to b. with c. in d. from
21. I will not concede.....your demand.
a. with b. in c. to d. for
22. I condole.....you.....the loss of your father.
a. to on b. with - in c. with - on d. to - about
23. Money does not always conduce.....happiness.
a. into b. to c. in d. for
24. The president conferred a golden medal.....distinguished fighters.
a. for b. on c. with d. in
25. I hope it won't come.....the ears of the manager.
a. in b. to c. into d. with

III.

in common (shared) - They have many interests in common.

in comparison with (compared with) - In comparison with Spanish, English spelling is difficult.

in compliance with (in fulfilment of) - In compliance with the regulations, all the exits must be kept clear.

in concert (together)-The two groups must act in concert.

in conclusion (concluding)-In conclusion, I want to thank all who have contributed to our success.

in [good, ect] condition - Only books in good condition can be accepted.

in confidence (confidentially)- He told me the news in confidence.

in confirmatin [of] (confirming) - I will send you a letter in confirmation of the arrangement.

in conformity with (conforming to) - Are you in conformity with the arrangement?

in conjunction with (together with)-These facts must be considered in conjunction with many others.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. You mustn't tell anybody this, not even.....
2., the chairman proposed a vote of thanks to the committee.
3. We have many tastes.....
4.his instructions, he completed the forms and delivered them.
5. Your car doesn't seem to be.....very.....
6. It's a very poor car.....a Rolls.
7. I have received a letter from him.....the programme.
8. The Army is carrying out exercises.....the Navy.
- 9.....your request, proper measures have been taken.
10. Acting....., we can achieve a great deal.

LEARN

I.

- | | |
|------------------|---------------------|
| - to see about | : sắp xếp, sửa soạn |
| - to see off | : tiễn |
| - to see to | : phục vụ |
| - to set about | : tiến hành |
| - to set out | : xuất phát |
| - to set up | : thiết lập |
| - to stand by | : sẵn sàng |
| - to stand for | : đại diện |
| - to stand up to | : chống đối |
| | : |

II.

- | | |
|------------------------------------|-------------------------------------|
| - a competition for S.T | : sự tranh giành điều gì |
| - to make a concession to a demand | : nhượng bộ, ưng thuận một yêu sách |
| - to put confidence in S.T (S.O) | : đặt niềm tin vào điều gì (ai) |

- conformity of fashion	: theo thời trang
- to appeal for	: kêu gọi
- to appoint S.O to a situation	: bầu ai lên chức vụ gì
- to appoint time for	: định ngày giờ
- to apprentice S.O to	: tập sự ai làm...cho ai học nghề...
to ascribe...to	đổ cho, qui cho
- to be serious about S.T	: nghiêm túc về vấn đề gì
- to be sick about	: đau khổ, ân hận
- to be startled at	: bị giật mình
- to be worthy of	: đáng, xứng đáng
- to be annexed to	: được sáp nhập vào
- to cope with difficulties	: khắc phục khó khăn
- to copy from	: nhại theo, bắt chước theo
- to covet after S.T	: ham muốn cái gì (thường là thuộc về người khác)
- to crave for S.T	: ao ước điều gì
- to dally with	: đùa giỡn với
- to conceal S.T from S.O	: giấu ai điều gì
- to concede to some demand	: theo, chấp thuận một yêu sách
- to condole with S.O on S.T	: chia buồn với ai về điều gì
- to conduce to	: giúp vào, đem đến
- to confer S.T on S.O	: ban tặng vật gì cho ai
- to come to S.O's ears	: đến tai ai

III.

- in common	: có điểm chung
- in comparison with	: so sánh với
- in compliance with	: tùy theo
- in concert	: cùng nhau
- in conclusion	: cuối cùng kết luận
- in condition	: tình trạng
- in confidence	: bí mật
- in confirmation	: sự xác nhận
- in conformity with	: tuân theo
- in conjunction with	: liên kết

PRACTICE TEST 29

to take after - to resemble
to take in - to deceive
to take over - to acquire
to take to - to like
to take up - to begin (playing, studying)
to tell against - to prejudice
to tell from - to distinguish
to tell off - to scold
to tell on - to affect

In the following exercises complete each sentence with a word or phrase chosen from the list at the beginning of each exercise.

1. I took.....him at once, and we've been friends ever since.
2. Both the children take.....their mother.
3. I can't tell one twin.....the other.
4. He may have deceived you, but he didn't take me.....
5. His age is beginning to tell.....him.
6. She was told.....by her boss for carelessness.
7. The company has been taken.....by a bigger one.
8. His past record will tell.....him.
9. When did you take.....tennis?
10. She can always tell artificial pearls.....real ones.

II. Choose the best answer.

1. He coaxed her.....leaving her family and running away with him.
a. to b. into c. with d. in

2. My birthday coincides.....hers.
a. with b. for c. to d. in
3. You and I, we should combat.....her.
a. with b. at c. for d. into
4. The liberty of a country consists.....the freedom of its citizens.
a. of b. in c. for d. into
5. His practice does not consort.....his words.
a. for b. with c. in d. to
6. The arguments of the lawyer were founded.....facts.
a. in b. on c. to d. with
7. He will not join the association, but he is friendly.....it
a. in b. to c. towards d. into
8. He led a noble life, fruitful.....kind deeds.
a. on b. into c. in d. with
9. He read the book from beginning.....end.
a. for b. through c. to d. with
10. He's a very wealthy man: a few hundred pounds is nothing
..... him.
a. for b. with c. to d. about
11. I offered him money for the use of the bicycle, but.....my
surprise he refused it.
a. to b. through c. according to d. in view of
12. That's the first step.....getting the matter cleared up.
a. to b. towards c. for d. through
13. It was somewhere.....five o'clock when he came.
a. into b. for c. towards d. of
14. A madman is not accountable.....his actions.
a. in b. into c. for d. with
15. The new electronic machine proves accurate.....its
calculations.
a. with b. for c. to d. in
16. Everybody was alarmed.....the news that war might break
out in the area.
a. with b. from c. at d. for

17. God has bestowed.....me many graces.
a. on b. for c. to d. with
18. I bet \$ 5.000.....that horse.
a. in b. on c. to d. with
19. Beware.....pickpockets.
a. for b. to c. with d. of
20. I bind myself.....my daily duties.
a. to b. in c. for d. into
21. The teacher bleames his students.....their laziness.
a. for b. with c. of d. in
22.regard to the business we spoke about, if you are going on.....it, I can perhaps help you.
a. On - with b. For - with c. With - with d. With - for
23. Do you think this red tie goes.....my blue suit?
a. for b. with c. in d. to
24. Nothing can compensate.....the loss of my health.
a. with b. in c. for d. into
25. You should comply.....the school - rules.
a. to b. about c. with d. in

III.

to [his] advantage (of benefit to) - It's clearly to your advantage to accept a favourable offer.

to the detriment of (doing damage to) - I won't listen to anything to the detriment of his reputation.

to excess (excessively) - Drinking to excess is stupid.

to a [great] extent - I agree with you to a great extent, but not completely.

to a nicety (exactly) - He judged the distance to a nicety.

to the point (relevant)-His remarks are always to the point.

to no purpose (in vain) - I telephoned him several times to no purpose.

to scale (in proportion) - The model has been bult to scale to give you an exact idea of the proportions.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. I argued with him.....; he remained unconvinced.
2. Not all the speeches were....., but his was very relevant.
3. Eating.....is never wise.
4. The offer is so good that it is clearly.....your.....to accept it.
5. Maps are usually drawn.....
6. That land is.....useless, though parts of it are cultivated.
7. Such excesses must be.....his health.
8. He calculated the expenses.....

Learn

I.

- | | |
|-------------------|--------------------------|
| - to take after | : giống (ai) |
| - to take in | : lừa gạt |
| - to take over | : thôn tóm, chiếm |
| - to take to | : thích |
| - to take up | : bắt đầu (học / chơi) |
| - to tell against | : chống lại, gây bất lợi |
| - to tell from | : phân biệt |
| - to tell off | : la rầy |
| - to tell on | : ảnh hưởng |

II.

- | | |
|------------------------------------|---------------------------------------|
| - to coax S.O into doing S.T | : dụ dỗ ai làm điều gì |
| - to coincide with | : trùng với |
| - to combat for | : đấu tranh, chiến đấu để tranh giành |
| - to consist in | : do ở, do tại, ở tại |
| - to consort with | : đi đôi với |
| - to be founded on facts | : dựa trên sự kiện có thật |
| - to be friendly to an association | : gần gũi, thân cận với một hiệp hội |

- to be fruitful in S.T	: <i>dồi dào về thứ gì</i>
- from beginning to end	: <i>từ đầu đến cuối</i>
- to	: <i>đối với</i>
- to S.O's surprise	: <i>trước sự ngạc nhiên của ai</i>
- towards	: <i>để, để cho, hướng về</i>
- somewhere towards	: <i>vào khoảng</i>
- to be accountable for an action	: <i>chịu trách nhiệm về một hành động</i>
- to be accurate in	: <i>chính xác về</i>
- to be alarmed at	: <i>báo động, được báo động là có</i>
- to bestow a S.T on S.O	: <i>bán vật gì cho ai</i>
- to bet on	: <i>đánh cuộc vào, đánh cả vào</i>
- beware of	: <i>coi chừng, đề phòng</i>
- to bind oneself to	: <i>ràng buộc mình vào</i>
- to blame S.O for S.T	: <i>trách ai về điều gì</i>
- with regard to	: <i>còn về: to go on with S.T: tiếp tục với công việc gì</i>
- to go with	: <i>hợp với</i>
- to compensate S.O for a loss	: <i>đền bù cho ai sự mất mát</i>
- to comply with	: <i>theo, tuân theo</i>

III.

- to (his) advantage	: <i>có lợi cho</i>
- to the detriment of	: <i>tổn hại đến</i>
- to excess	: <i>quá mức</i>
- to a (great) extent	: <i>phạm vi</i>
- to a nicety	: <i>với sự chính xác</i>
- to the point	: <i>liên quan với nhau</i>
- to no purpose	: <i>vô ích</i>
- to scale	: <i>tỉ lệ</i>

PRACTICE TEST 30

I.

- to keep up with
- to keep in with
- to keep a secret
- to keep away from
- to keep back
- to keep down
- to keep from
- to keep off
- to keep on
- to keep in touch with
- to keep oneself to oneself
- to keep house

In the following exercises complete each sentence with a word or phrase chosen from the list at the beginning of each exercise.

1. He can't.....laughing.
2. I would have been here sooner but the rain.....me.....
- 3.....children.....the fire.
4. It's most important to.....your neighbours.
5. He promised to.....us while he was abroad.
6. He wanted his wife to.....and not to work at an office.
7. This news must be.....
8. You must walk slowly if you want the children to.....you.
9. She likes to.....
10. He.....talking although the teacher asked him.....several times to stop.

11. He must.....expenses.

12.the grass.

II. Choose the best answer.

1. I think you ought to apologize.....virginia.....your rude remarks.

a. with-for b. with-about c. to - for d. to - with

2. Father says it's hard to distinguish one make of a car another.

a. with b. by c. to d. from

3. Thomas has changed.....a poor student.....a good one overnight.

a. from - to b. into - with c. from - for d. into - by

4. Some people seem to enjoy gossiping.....other people's affairs.

a. to ✓ b. with c. from d. about

5. He was able to interest those people.....his new invention.

a. by b. in c. with d. for ✓

6. His is not concerned.....the youth movements.

a. to b. with c. for d. by

7. He is dead.....all feeling of shame.

a. with ✓ b. to c. by d. for

8. He is deaf.....my pleading.

a. with b. for c. to d. by

9. He lost everything that was dear.....him.

a. for b. with c. about d. to

10. That place is difficult.....access.

a. for b. to c. of d. by

11. I do not like to read articles.....economics.

a. concentering b. by means of c. due to d. on behalf of

12. Books.....philosophy are usually hard to understand.

a. due to b. caused by c. touching d. on behalf of

13. He has bought land.....building a house.

a. with the view of b. so as to
c. so d. in spite to

14. He didn't come.....the rain.
 a. by way of b. on account of c. across d. by means of
15. People in Indonesia can get good picture on television.....a communication satellite.
 a. by way of b. in view of c. by means of d. from
16. He works hard.....his children's happiness.
 a. because of b. due to c. for the sake of d. by
17. I would like to thank you a lot.....my fiancé.
 a. in case of b. on behalf of c. for the sake of d. because of
18.age, he is not old yet.
 a. On behalf of b. In view of c. because of d. In case of
19. I sent that letter to him..... the case number of my documents.
 a. with reference to b. on behalf of
 c. due to d. by means of
20. We have now 1.000 students.....500 last year.
 a. against b. by c. to d. with
21. These families are distinct.....one another.
 a. from b. by c. to d. with
22. He is distinguished.....his knowledge of informatics.
 a. at b. about c. for d. in
23. It's easy to get drunk.....brandy.
 a. on b. with c. by d. in
24. He seems to be dull.....comprehension.
 a. in b. of c. at d. with
25. Tell me.....one word what you want.
 a. about b. in c. on d. of

III.

off balance (not upright)_ He wouldn't have fallen if he hadn't been thrown off balance by the wind.

off the boil (not boiling) - light the gas again; the water has gone off the boil.

off centre (not centred) - The reason the machine won't work is that this wheel is off centre.

off colour (ill) - Will you please excuse me? I'm feeling a little off colour.

off course (not on course)- A storm blew the ship 60 miles off course.

off duty (free)-I'm not free just now, but come at 6; I'll be off duty then.

off [his] head (mad)-He must be off his head to behave so stupidly.

off key (not in tune) - Can't you hear when you're singing off key?

Complete sentence with one of the above expressions.

1. You look pale; are you feeling.....?
2. Soldiers.....are not obliged to wear uniform.
3. He can't even hear when he's singing.....
4. We're had no news of his boat; he must have wandered.....
5. He behaved so abnormally I thought he must be.....
6. The gramophone turn table is slightly.....
7. Don't use boiling water; leave it till it's.....
8. The blow threw me.....

LEARN

I.

- | | |
|---------------------|-------------------------------|
| - to keep up with | : theo kịp |
| - to keep in with | : hoà thuận với |
| - to keep a secret | : giữ bí mật |
| - to keep away from | : tránh ra xa |
| - to keep back | : giữ lại, chặn lại |
| - to keep down | : cản không cho lên, cắt giảm |
| - to keep from | : nhịn, nín, kiềm chế |
| - to keep off | : tránh xa |
| - to keep on | : tiếp tục |

- to keep in touch with : *giữ liên lạc với*
- to keep oneself to oneself : *không thích giao thiệp*
- to keep house : *giữ nhà*

II.

- to apologize to S.O for S.T : *xin lỗi ai về điều gì*
- to distinguish one thing from another : *phân biệt cái này với cái khác*
- from ...to : *từ...đến*
- to gossip about : *tán gẫu về, bàn tán nhảm nhí về*
- to interest S.O in S.T : *làm cho ai thích thú về điều gì*
- to be concerned with : *quan tâm đến*
- to be dead to all feelings of shame : *không còn biết xấu hổ là gì*
- to be deaf to S.O's pleading : *làm ngơ trước sự khẩn cầu của ai*
- to be dear to S.O : *quí giá đối với ai*
- to be difficult of access : *khó đến gần, khó tiếp cận*
- concerning : *về, nói về, liên quan đến*
- touching : *về, nói về, liên quan đến*
- with the view of : *với ý định, nhằm mục đích*
- on account of : *vì, do bởi*
- by means of : *nhờ có, nhờ ở*
- for the sake of : *vì*
- on behalf of : *nhân danh, thay mặt cho*
- in view of : *xét về*
- with reference to : *có nhắc tới, có đề cập tới*
- against : *ngược lại với, đối nghịch với*
- to be distinct from S.O else : *tách biệt với người khác*
- to be distinguished for S.T : *nổi tiếng về cái gì*

- to get drunk on S.T : say vì cái gì
- to be dull of comprehension : chậm hiểu
- to tell in one word : nói một cách tóm tắt

III.

- off balance : không cân bằng
- off the boil : không sôi
- off centre : không ở tâm điểm
- off colour : nhạt nhạt
- off course : lệch hướng
- off duty : rảnh, không trực
- off head : điên
- off key : không hoà nhịp

PRACTICE TEST 31

I.

to let on
to let up
to let off
to let oneself in for
to let some down
to let the dead bury the dead
to let alone
to let be
to let in
to let out at

In the following exercises complete each sentence with a word or phrase chosen from the list at the beginning of each exercise.

1. Please.....me..... I promise not to do it again.
2. He know where the boy was hiding but he didn't.....
3. He promised to deliver the stuff today and has.....us
.....again.
4.him.....for a while and he may go to sleep.
5. I told him to.....the cat.....
6. Be careful! This horse has the habit of.....at people.
7. If you behave like that you are.....yourself for trouble.
8. It seems that the rain is.....
9. Bill clinton said, ".....look to the future."
10. This boat.....water.

II. Choose the best answer.

1. If you show application.....your studies, you will succeed.
a. to b. in c. for d. with
2. He gained ascendancy.....his rivals.
a. upon b. on c. over d. about
3. They made an assault.....their enemies.
a. in b. with c. on d. over
4. Those verses expressed the poet's attachment.....his native country.
a. for b. with c. to d. in
5. Many soldiers are in attendance.....him.
a. of b. at c. in d. on
6. She does not show much affection.....him.
a. with b. in c. for d. to
7. Chinese has a great affinity.....Vietnamese.
a. to b. for c. with d. in
8. Japan was in alliance.....great Britain before and during the great war.
a. to b. for c. with d. by
9. I don't like you to make any allusionme.
a. for b. into c. to d. with
10. He has a great ambition.....wealth and honors.
a. for b. with c. in d. to
11. The only access.....his house is across a river.
a. in b. for c. into d. to
12. Admission.....the public schools is by examination only.
a. for b. into c. to d. in
13. His name was.....the top.....the honours list, mine was.....the bottom.....it.
a. in-of-in-of b. on-of-on-of c. at-of-at-of d. on-of-at-of
14.long, I'm sure you will be speaking English..... a native speaker.
a. After - like b. After - with c. Before-like d. Before-with
15. Mr. Harrison was.....quite a hurry and couldn't wait for us.
a. with b. in c. through d. to

16. That house on the corner is.....sale. Are you interestedit?

a. in - in b. for - in c. in - with d. for - to

17. The clerk.....that counter said those purses were.....sale

a. after b. of c. in d. to

18. First.....all, I think you should explain your idea to the director.

a. to - to b. with - with c. for - for d. in - in

19. I've no respect at all.....him; he is a real good.....nothing.

a. from - to b. for - to c. to - from d. for - for

20. I grew those plants.....seeds.

a. by b. from c. in d. with

21. I'd like to beon this scheme.

a. in b. to c. into d. with

22. The train.....Liverpool leaves.....No 6 platform.

a. for - from b. to - for c. to - to d. for - at

23. I can believe.....certain that he will show up at the meeting.

a. at b. for c. with d. in

24. Don't judge a man.....his clothes.

a. of b. by c. with d. at

25. The plane rocked.....sideside in the fierce wind.

a. from - to b. in - to c. to - from d. from - by

III.

under arrest (arrested) - The leader of the strike is under arrest.

under [these] conditions - People in mines in the nineteenth century worked under the most terrible conditions.

under control (controlled) - At first there was confusion, but we soon got the situation under control.

under cover of (hidden by) - They entered the city under cover of darkness.

under cultivation (cultivated) - Only two - thirds of the land is under cultivation.

under lock and key (locked up) - We must keep these plans under lock and key.

under the name of - He writes under the name of Robinson.

under sail [steam] (using sail) - We didn't need to use the engine and arrived under sail.

under treatment [for] (being treated) - He's not completely better; he's still under treatment.

under weight (not of normal weight) - She's very thin; she must be under weight.

LEARN

I.

- | | |
|---------------------------------|------------------------------------|
| - to let on | : để lộ bí mật |
| - to let up | : giảm bớt |
| - to let off | : tha thứ |
| - to let oneself in for | : làm cho ai lâm vào cảnh khó khăn |
| - to let some down | : làm cho ai thất vọng |
| - to let the dead bury the dead | : hãy quên đi quá khứ |
| - to let alone | : bỏ mặc |
| - to let be | : để yên |
| - to let in | : cho vào |
| - to let out at | : giáng cho ai một đòn |

II.

- | | |
|-------------------------------|--|
| - application in studies | : sự chăm chỉ học hành |
| - to gain ascendancy over S.O | : đàn áp được ai |
| - to make an assault on S.O | : tấn công ai |
| - attachment to S.O (S.T) | : sự lưu luyến ai (điều gì) |
| - to be in attendance on S.O | : phục vụ ai |
| - affection for S.O | : cảm tính đối với ai |
| - an affinity with a people | : sự liên hệ mật thiết với một dân tộc |
| - to be alliance with S.O | : liên kết với ai |
| - allusion to S.T | : sự ám chỉ điều gì |
| - an ambition for S.T | : sự ham muốn, tham vọng về điều gì |

- an access to a place	: lối vào một nơi nào
- admission to a place	: sự được thâu nhận vào nơi nào
- at the top of a list	: đầu danh sách; at the bottom of a list: cuối danh sách
- before long	: chẳng bao lâu; like: giống như
- to be in a hurry	: vội vã
- for sale	: để bán; to be interested in S.T: thích, quan tâm tới điều gì
- at	: ở, tại; On sale: bán hạ giá
- first of all	: trước tiên
- to have respect for S.O	: kính trọng ai; good for nothing: vô tích sự
- from one place to another	: từ nơi này đến nơi khác
- to grow a plant from a seed	: trồng cây từ một hạt giống
- to be in on a scheme	: tham gia một âm mưu
- the train for Liverpool	: chuyến xe lửa đi Liverpool; to leave from one place: rời khỏi một nơi nào
- for certain	: chắc chắn
- to judge a man by his clothes	: xét người qua bề ngoài

III.

- under arrest	: bị bắt
- under conditions	: trong điều kiện
- under control	: được kiểm soát
- under cover of	: ẩn nấp
- under cultivation	: được canh tác
- under lock and key	: cất đi, khoá cẩn thận lại
- under the name of	: mang tên
- under sail	: giương buồm lên, ra khơi
- under treatment	: được điều trị
- under weight	: nhẹ cân

PRACTICE TEST 32

I.

to hold back
to hold up
to hold out
to hold by
to hold down
to hold forth
to hold good
to hold over

In the following exercises complete each sentence with a word or phrase chosen from the list at the beginning of each exercise.

1. The contract will.....two months from now.
2. He.....on many subjects at the meeting.
3. Heby the principles.....labour safety.
4. If I had not.....him....., he would have beaten you soundly.
5. The meeting finally.....several important decisions.
6. Because of the heavy rain, to days meeting will be.....until next week.
7. The traffic was.....by fog.
8. Ithe ruffian.....down while they bound him.

II. Choose the best answer.

1. Don't waste time brooding.....your past failures.
a to b. over c. with d. for
2. Don't build too much hope.....others' help.
a in b. for c. on d. with

3. It's illegal to burst.....another contry's land.
a. into b. upon c. for d. out of
4. She often carps.....her husband.
a. at b. with c. into d. for
5. The teacher censured me.....my laziness.
a. in b. for c. with d. into
6. He broke a loaf of bread.....two pieces and gave me one.
a. into b. in c. by d. for
7. Don't break thi flower.....its branch.
a. of b. with c. off d. from
8. She has broken.....her husband.
a. to b. forward c. with d. against
9. I don't know how to break the news of her husband's death.....her.
a. with b. for c. to d. into
10. He intends to kill his wife, but I try to bring him.....his sercses.
a. against b. about c. to d. for
11. This village is inhabited.....tens of thieves.
a. with b. to c. by d. for
12. John was instrumental.....helping the plan to succeed.
a. in b. into c. for d. with
13. The room bare.....furniture.
a. about b. with c. to d. of
14. The mother was blind.....her son's faults.
a. of b. at c. to d. in
15. He often diresses.....the main point.
a. with b. for c. to d. from
16. If I had time, I could dilate.....this subject.
a. in b. with c. on d. from
17. The teacher's explanations are quite intelligible.....the students.
a. for b. to c. with d. by

18. He rushed forward to help, irrespective.....the consequences.
a. to b. of c. with d. by
19. He is known.....an experienced teacher.
a. to b. with c. by d. as
20. He was leaning.....a table.
a. at b. beside c. against d. across
21. I met Smith yesterday, but I knew him long.....that.
a. for b. by c. before d. after
22. I want you to arrange these.....order by putting the largest first, then the next, and so on...
a. on b. out of c. in d. from
23. There's nothing.....exercises fro making you warm.
a. like b. in c. for d. about
24. He said he was going to make a singer.....me, but I thought he was trying to make a fool.....me as I knew I could never make a success.....music.
a. with-of-of b. for-for-for c. of-of-of d. for-for-of
25. We can't get everything we want from life: we must just make the bestit.
a. with b. of c. for d. by

III.

with an accent - He speaks French with a very good accent.

with luck - With luck I shall be home by 5.

with reference to (about) - I am writing with reference to your application for a post.

with regard to (about) - Have you anything to say with regard to the proposal?

with a view to (ind order to) - He bought the property with a view to building a factory on it.

within call [*hearing, sight*] (near)-There is always a nurse within call.

within reason (reasonable) - I'll agree to anything within reason.

without foundation (undounded)-Your suspicions are without foundation.

Complete sentence with one of the above expressions.

1. Tell the porter to stay.....
2.to your request for membership, I shall be grateful if you will give the names of two referees.
3. We inspected the boat.....buying it.
4. They will accept any offer.....
5.I will pass the examination in July.
6. He speaks French.....a marked.....
7. Have you any views.....to the plan?
8. Your remarks are entirely.....

LEARN

I.

- | | |
|-----------------|----------------------|
| - to hold back | : ngăn lại |
| - to hold up | : ngưng lại, tắc lại |
| - to hold out | : đưa ra |
| - to hold by | : nắm chắc |
| - to hold down | : đè chặt |
| - to hold forth | : đưa ra |
| - to hold good | : có hiệu lực |
| - to hold over | : hoãn lại |

II.

- | | |
|------------------------------|------------------------------------|
| - brood over | : nghiền ngẫm về |
| - to build hope on | : đặt hy vọng vào |
| - to burst upon a place | : xâm nhập vào một nơi nào |
| - to carpat | : càu nhàu, phàn nàn |
| - to censure S.O for S.T | : trách ai về điều gì |
| - to break S.T in two | : bẻ vật gì làm hai |
| - to break S.T off S.T | : ngắt vật gì ra khỏi vật gì |
| - to brenk with | : đoạn giao đứt khoát với |
| - to brenk the news to S.O | : báo tin cho ai |
| - to bring S.O to his senses | : làm cho ai suy nghĩ đúng đắn lại |

- to be inhabited by	: có (người cư ngụ)
- to be instrumental in doing S.T	: góp công sức làm điều gì
- to be bare of S.T	: trống trụi, không có thứ gì
- to be blind to S.T	: mù quáng không thấy điều gì
- to digress from	: lạc, đi xa khỏi
- to dilate on a subject	: nói (hay viết) dài hơn, lâu hơn về một vấn đề
- to be intelligible to S.O	: dễ hiểu đối với ai
- to be irrespective of	: không kể đến
- to be known as	: được mệnh danh là, được coi là
- to lean against S.T	: dựa, tựa vào cái gì
- long before	: lâu trước đó, trước đó rất lâu
- in order	: theo trật tự, theo thứ tự
- there's nothing like exercises	: không gì khác hơn là tập thể dục
- to make a singer of S.O	: làm cho ai trở thành ca sĩ;
	to make a fool of S.O:
	làm cho ai trở thành kẻ ngu; to make a success of music: thành công về âm nhạc
- to make the best of S.T	: tận dụng tối đa điều gì

III.

- with an accent	: với giọng, có giọng
- with luck	: với sự may mắn
- with reference to	: tham chiếu về
- with regard to	: liên quan đến, về
- with a view to	: để
- within call/hearing/sight	: gần (gọi, nghe, thấy được)
- within reason	: hợp lý
- without foundation	: không có cơ sở